

**THÔNG BÁO**  
**Về nhập học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước**  
**ngạch Kế toán viên năm 2019**

Thực hiện Công văn số 1883/SNV-CCVC ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Sở Nội vụ về việc cử cán bộ, công chức, viên chức tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch, lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý - chương trình lãnh đạo cấp phòng năm 2019,

Căn cứ nhu cầu của đơn vị và chỉ tiêu đào tạo, Sở Nội vụ thông báo về việc nhập học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Kế toán viên năm 2019 như sau:

**1. Thời gian:**

Lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Kế toán viên năm 2019 học vào các ngày cụ thể như sau:

Lớp 1: Học vào các ngày thứ 3 và thứ 7 hằng tuần, bắt đầu từ ngày 09/11/2019.

Lớp 2: Học vào các tối thứ 2, thứ 4 và thứ 6 hằng tuần, bắt đầu từ ngày 11/11/2019.

Lớp 3: Học vào các thứ 3 và thứ 5 hằng tuần, bắt đầu từ ngày 12/11/2019.

Lớp 4: Học vào các tối thứ 3, thứ 5 và thứ 7 hằng tuần, bắt đầu từ ngày 12/11/2019.

Lớp 5: Học vào các ngày thứ 4 và thứ 6 hằng tuần, bắt đầu từ ngày 13/11/2019.

Lớp 6: Học vào các ngày thứ 3 và thứ 5 hằng tuần, bắt đầu từ ngày 14/11/2019.

Lớp 7: Học vào các ngày thứ 3 và thứ 7 hằng tuần, bắt đầu từ ngày 16/11/2019.

Công chức, viên chức có tên trong Danh sách lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Kế toán viên năm 2019 (Đính kèm) có mặt vào lúc 08 giờ 00 (đối với lớp học ngày) và 18 giờ 00 (đối với lớp học tối) vào ngày học đầu tiên của mỗi lớp để dự lễ khai giảng và nhập học.

**2. Địa điểm:**

Lớp 1: Tại Hội trường lầu 3, Khu C, Phòng C31, Trường Cao đẳng Nghề Nguyễn Trường Tộ, số 02, Mai Thị Lựu, phường Đakao, Quận 1.

Lớp 2: Tại Hội trường, Quỹ bảo lãnh tín dụng các Doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh, số 07, Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Quận 3.

Lớp 3: Tại Trung tâm bồi dưỡng cán bộ nghiệp vụ văn hóa, số 35, Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3.

Lớp 4: Tại Trung tâm bồi dưỡng cán bộ nghiệp vụ văn hóa, số 35, Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3.

Lớp 5: Tại Hội trường, Quỹ bảo lãnh tín dụng các Doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh, số 07, Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Quận 3.

Lớp 6: Tại Hội trường, Quỹ bảo lãnh tín dụng các Doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh, số 07, Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Quận 3.

Lớp 7: Tại Hội trường lầu 3, Khu C, Phòng C32, Trường Cao đẳng Nghề Nguyễn Trường Tộ, số 02, Mai Thị Lựu, phường Đakao, Quận 1.

### **3. Kinh phí:**

Đối với công chức: Được đảm bảo từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của Thành phố.

Đối với viên chức: Từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Học phí là 4.500.000 đồng/học viên/khóa học, đóng trực tiếp cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong ngày học đầu tiên.

**4. Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài chính miền Nam:** Xem xét, giải quyết chuyển lớp cho học viên trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị. Thông tin liên hệ tại địa chỉ: số 123 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để đảm bảo công tác tổ chức lớp học, Sở Nội vụ đề nghị lãnh đạo các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp, phân công, sắp xếp công việc và tạo điều kiện cho công chức viên chức tham dự đầy đủ các lớp học. Trong trường hợp bất khả kháng phải nghỉ học, phải có văn bản báo cáo Sở Nội vụ trước ngày khai giảng./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đơn vị có CBCC tham dự lớp học;
- Trung tâm ĐTBĐ CBTC miền Nam (để phối hợp thực hiện);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, P. CCVC, T. *tm*



**GIÁM ĐỐC**

**Trương Văn Lắm**



DANH SÁCH THAM DỰ LỚP BỒI DƯỠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGẠCH KẾ TOÁN VIÊN NĂM 2019

(Danh sách công chức)

(Đính kèm theo Thông báo số 447/H /TB-SNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Sở Nội vụ)

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ             | Đơn vị công tác                          | Đơn vị                         | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|---------------------|-----------------------|--------|---------------------|------------------------------------------|--------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                     |                       |        |                     |                                          |                                | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 1   | Phạm Ngọc Ánh       | 18/03/1983            | X      | Kế toán             | Văn phòng Ban Tuyên giáo Thành ủy        | Ban Tuyên Giáo                 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 2   | Nguyễn Thị Hà Thu   | 9/8/1992              | X      | Kế toán             | Huyện Đoàn - Huyện ủy Nhà Bè             | Huyện ủy Nhà Bè                |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 3   | Đặng Thị Ánh Triết  | 15/10/1981            | X      | Kế toán Trưởng      | Văn phòng Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố | Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 4   | Võ Phương Nhật Uyên | 17/3/1989             | X      | Kế toán             | Văn phòng Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố | Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 5   | Nguyễn Hoàng Thái   | 30/9/1983             |        | Kế toán viên        | Văn phòng Thành Đoàn                     | Thành đoàn Thành phố           |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 6   | Huỳnh Ái Linh       | 18/8/1982             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Cò Giang                     | UBND Quận 1                    |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 7   | Võ Hồng Quế Tiên    | 24/4/1972             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Phạm Ngũ Lão                 | UBND Quận 1                    |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 8   | Phạm Thị Hóa        | 11/12/1982            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Phạm Ngũ Lão                 | UBND Quận 1                    |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 9   | Vũ Thị Kiều Diễm    | 26/6/1991             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Bình Trưng Tây               | UBND Quận 2                    |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 10  | Trần Thị Thế Hằng   | 25/7/1981             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Tháo Điền                    | UBND Quận 2                    |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 11  | Phạm Thiên Kim      | 07/11/1984            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 3                            | UBND Quận 3                    |                 |       | X     |       |       |       |       |

*[Handwritten signature]*

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ             | Đơn vị công tác           | Đơn vị      | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|---------------------|---------------------------|-------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                      |                       |        |                     |                           |             | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 12  | Nguyễn Thị Luyện     | 02/06/1993            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 5             | UBND Quận 3 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 13  | Nguyễn Thị Thanh Sơn | 15/1/1988             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 5             | UBND Quận 3 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 14  | Từ Thị Minh Loan     | 21/06/1988            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 7             | UBND Quận 3 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 15  | Huỳnh Thị Thanh Thủy | 30/10/1982            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 9             | UBND Quận 3 |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 16  | Trần Thị Mỹ Phương   | 17/9/1976             | X      | Kế toán             | Văn phòng Quận ủy         | UBND Quận 4 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 17  | Lê Quốc Việt         | 16/9/1982             |        | Thanh tra viên      | Thanh tra                 | UBND Quận 4 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 18  | Ngô Thị Ngọc Hiền    | 23/8/1976             | X      | Kế toán viên        | Phòng Giáo dục và Đào tạo | UBND Quận 5 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 19  | Lê Thị Hồng Cúc      | 11/6/1986             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường 1             | UBND Quận 6 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 20  | Phan Thị Hoàng Yến   | 29/01/1983            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường 4             | UBND Quận 6 |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 21  | Phạm Thị Sáng        | 30/10/1979            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường 9             | UBND Quận 6 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 22  | Trần Ngọc Hân        | 1/6/1989              | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường 10            | UBND Quận 6 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 23  | Nguyễn Thị Ngọc Giàu | 1/9/1992              | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường 14            | UBND Quận 6 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 24  | Huỳnh Thị Thanh Thủy | 14/11/1985            | X      | Kế toán viên        | VP HĐND và UBND quận      | UBND Quận 7 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 25  | Lê Thị Tuyết Nhung   | 28/05/1973            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Tân Phong     | UBND Quận 7 |                 |       |       |       | X     |       |       |

2

| STT | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ             | Đơn vị công tác                       | Đơn vị       | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-------------------------|-----------------------|--------|---------------------|---------------------------------------|--------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                         |                       |        |                     |                                       |              | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 26  | Nguyễn Ngọc Thùy Giang  | 04/06/1983            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Tân Thuận Tây             | UBND Quận 7  |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 27  | Quách Ngọc Phương Giảng | 07/07/1985            |        | Kế toán             | Phòng Tư pháp                         | UBND Quận 8  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 28  | Trương Hữu Lộc          | 10/10/1982            |        | Kế toán             | Phòng Quản lý Đô thị                  | UBND Quận 8  |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 29  | Trần Thị Thanh Thảo     | 28/09/1984            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 1                         | UBND Quận 8  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 30  | Đinh Thị Ánh Thu        | 17/10/1967            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 10                        | UBND Quận 8  |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 31  | Lâm Thị Việt Tú         | 12/09/1974            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 10                        | UBND Quận 8  |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 32  | Lê Thị Tuyết Hằng       | 01/02/1989            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 13                        | UBND Quận 8  |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 33  | Nguyễn Thị Dung         | 4/3/1982              | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Hiệp Phú                  | UBND Quận 9  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 34  | Trương Thị Hồng Nhung   | 30/4/1979             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Tân Phú                   | UBND Quận 9  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 35  | Nguyễn Thị Ánh          | 16/8/1987             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Tân Phú                   | UBND Quận 9  |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 36  | Lâm Ngọc Hương Dương    | 2/11/1990             | X      | Chuyên viên         | Pòng Lao động - Thương binh và Xã hội | UBND Quận 9  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 37  | Nguyễn Hoài Thanh       | 20/6/1977             |        | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 5                         | UBND Quận 10 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 38  | Vũ Nguyễn Hương Giang   | 31/5/1989             | X      | Kế toán             | Quận Đoàn 10                          | UBND Quận 10 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 39  | Đỗ Thị Duyên            | 7/8/1980              | X      | Kế toán             | Hội Cựu Chiến binh                    | UBND Quận 10 |                 |       |       |       |       | X     |       |

2

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ             | Đơn vị công tác                 | Đơn vị             | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|---------------------|---------------------------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                     |                                 |                    | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 40  | Lê Thị Thanh Thương    | 9/12/1983             | X      | Kế toán trưởng      | Quận ủy                         | UBND Quận 10       |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 41  | Nguyễn La Trung Tú     | 11/11/1985            | X      | Kế toán viên        | UBND Phường 5                   | UBND Quận 11       |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 42  | Nguyễn Thị Thúy Hằng   | 12/3/1988             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 6                   | UBND Quận 11       |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 43  | Đoàn Nguyễn Hương      | 11/9/1987             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 9                   | UBND Quận 11       |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 44  | Âu Huệ Kinh            | 14/3/1988             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 12                  | UBND Quận 11       |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 45  | Trần Thị Thanh Trúc    | 29/1/1986             | X      | Kế toán             | Văn phòng Quận ủy               | UBND Quận 12       |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 46  | Nguyễn Thị Thanh Hương | 21/2/1983             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường Thới An, Quận 12    | UBND Quận 12       |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 47  | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 16/5/1988             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường Hiệp Thành, Quận 12 | UBND Quận 12       |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 48  | Phan Thị Minh          | 04/01/1984            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Bình Hưng Hòa B     | UBND quận Bình Tân |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 49  | Hoàng Thị Anh Thư      | 25/3/1988             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 3                   | UBND quận Gò Vấp   |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 50  | Lê Trọng Nghĩa         | 5/11/1980             |        | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 9                   | UBND quận Gò Vấp   |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 51  | Trần Thị Thanh Thảo    | 25/3/1976             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND Phường 9                   | UBND quận Gò Vấp   |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 52  | Huỳnh Thị Ngọc Hạnh    | 22/8/1979             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Tân Thành           | UBND quận Tân Phú  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 53  | Lưu Mỹ Phúc            | 28/07/1971            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Linh Tây            | UBND quận Thủ Đức  |                 |       |       |       | X     |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ             | Đơn vị công tác                | Đơn vị                              | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|---------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                     |                                |                                     | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 54  | Hà Thị Ngọc Trâm       | 31/10/1989            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND phường Linh Tây           | UBND quận Thủ Đức                   |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 55  | Nguyễn Thị Thúy Hoa    | 28028                 | X      | Phụ trách kế toán   | Văn phòng Quận ủy Thủ Đức      | UBND quận Thủ Đức                   |                 |       |       |       |       |       | x     |
| 56  | Nguyễn Thị Nhiếp       | 1/9/1982              | X      | Tài chính - Kế toán | UBND xã Phú Hòa Đông           | UBND huyện Củ Chi                   |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 57  | Phạm Minh Thống        | 1/1/1987              |        | Tài chính - Kế toán | UBND xã Nhuận Đức              | UBND huyện Củ Chi                   |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 58  | Hồ Thị Tuyết Trinh     | 19/4/1988             | X      | Tài chính - Kế toán | UBND xã Thái Mỹ                | UBND huyện Củ Chi                   |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 59  | Đỗ Thị Ngọc Dung       | 12/04/1983            | X      | Kế toán             | Phòng Tư pháp                  | UBND huyện Hóc Môn                  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 60  | Nguyễn Thanh Phương    | 25/08/1986            | X      | Kế toán             | Phòng Văn hóa và Thông tin     | UBND huyện Hóc Môn                  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 61  | Nguyễn Thị Thùy Dung   | 23/10/1988            | X      | Kế toán             | Phòng Tài nguyên và Môi trường | UBND huyện Hóc Môn                  |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 62  | Hồ Thị Hồng Cẩm        | 08/02/1987            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND xã Xuân Thới Thượng       | UBND huyện Hóc Môn                  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 63  | Nguyễn Thị Ngọc Phương | 26/01/1981            | X      | Tài chính - Kế toán | UBND xã Thới Tam Thôn          | UBND huyện Hóc Môn                  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 64  | Trần Kim Yến           | 26/02/1972            | X      | Kế toán             | Văn phòng                      | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 65  | Nguyễn Thị Quốc Dân    | 20/05/1975            | X      | Kế toán trưởng      | Văn phòng                      | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 66  | Phạm Thị Thu Hương     | 20/08/1984            | X      | Kế toán viên        | Văn phòng                      | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       |       | X     |

2

| STT | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác            | Đơn vị                              | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-------------------------|-----------------------|--------|----------------|----------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                         |                       |        |                |                            |                                     | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 67  | Phạm Thị Kim Loan       | 20/05/1975            | X      | Kế toán viên   | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 68  | Đỗ Thị Tuyết Nhung      | 13/06/1984            | X      | Kế toán viên   | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 69  | Lê Thị Hiền Hòa         | 17/06/1984            | X      | Kế toán viên   | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 70  | Phan Nguyễn Hoàng Phong | 26/06/1975            |        | Kế toán viên   | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 71  | Đàm Thị Thanh Thủy      | 07/04/1990            | X      | Kế toán viên   | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Văn hóa và Thể thao              |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 72  | Nguyễn Thị Mai Hương    | 02/12/1985            | X      | Kế toán trưởng | Văn phòng                  | Sở Y tế                             |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 73  | Nguyễn Thanh Hà         | 14/7/1975             |        | Kế toán viên   | Văn phòng                  | Sở Y tế                             |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 74  | Phạm Thị Thu Hiền       | 31/03/1980            | X      | Chuyên viên    | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Y tế                             |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 75  | Nguyễn Ngọc Sơn         | 15/01/1973            |        | Chuyên viên    | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Y tế                             |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 76  | Nguyễn Bảo Uyên Nhi     | 06/07/1982            | X      | Chuyên viên    | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Y tế                             |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 77  | Lê Thị Thu Hồng         | 17/6/1979             | X      | Chuyên viên    | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Y tế                             |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 78  | Phạm Thị Thu Trang      | 25/09/1990            | X      | Chuyên viên    | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Sở Y tế                             |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 79  | Nguyễn Thị Tuyết Mai    | 18/6/1981             | X      | Chuyên viên    | Văn phòng                  | Ban An toàn giao thông Thành phố    |                 |       |       |       |       | X     |       |





| STT       | Họ và tên       | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                    | Đơn vị                                                | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----------|-----------------|-----------------------|--------|-------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|           |                 |                       |        |                   |                                    |                                                       | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 80        | Đinh Khánh Linh | 8/11/1982             | X      | Kế toán trưởng    | Văn phòng                          | Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 81        | Nguyễn Đại Bằng | 9/6/1974              |        | Phụ trách Kế toán | Phòng Hành chính Quản trị Đón tiếp | Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài                    |                 |       |       |       | X     |       |       |
| TỔNG CỘNG |                 |                       |        |                   |                                    |                                                       | 0               | 10    | 16    | 4     | 16    | 16    | 19    |

SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH







DANH SÁCH THAM DỰ LỚP BỒI DƯỠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGẠCH KẾ TOÁN VIÊN NĂM 2019

(Danh sách viên chức)

(Đính kèm theo Thông báo số 4471 /TB-SNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Sở Nội vụ)

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ | Đơn vị công tác                 | Đơn vị      | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|---------|---------------------------------|-------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |         |                                 |             | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 1   | Nguyễn Văn Hán        | 20/08/1990            | X      | Kế toán | Ban QLDA Đầu tư XD              | UBND Quận 1 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 2   | Phan Thị Mai Thảo     | 10/1/1980             | X      | Kế toán | Trung tâm Thể dục thể thao      | UBND Quận 1 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 3   | Trần Thị Bích Hạnh    | 1/1/1984              | X      | Kế toán | Trung tâm Thể dục thể thao      | UBND Quận 1 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 4   | Phạm Văn Chi          | 22/2/1972             | X      | Kế toán | Trường mầm non 19/5             | UBND Quận 2 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 5   | Bùi Lê Thị Khánh Linh | 11/7/1976             | X      | Kế toán | Trường mầm non Măng Non         | UBND Quận 2 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 6   | Vũ Thị Kim Oanh       | 16/3/1981             | X      | Kế toán | Trường tiểu học An Bình         | UBND Quận 2 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 7   | Nguyễn Vũ Hoài Tâm    | 25/9/1981             | X      | Kế toán | Trường tiểu học Mỹ Thủy         | UBND Quận 2 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 8   | Phạm Thị Thanh Xuân   | 1/6/1984              | X      | Kế toán | Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi | UBND Quận 2 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 9   | Lâm Trường Thanh      | 13/4/1983             |        | Kế toán | Bệnh viện                       | UBND Quận 2 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 10  | Nguyễn Ngọc Thương Vi | 10/11/1989            | X      | Kế toán | Bệnh viện                       | UBND Quận 2 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 11  | Nguyễn Thị Kiều Diễm  | 20/5/1990             | X      | Kế toán | Bệnh viện                       | UBND Quận 2 |                 |       |       |       | X     |       |       |

9

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Giới (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                          | Đơn vị      | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|----------------------|-----------------------|----------|------------------|----------------------------------------------------------|-------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                      |                       |          |                  |                                                          |             | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 12  | Phạm Thị Ngọc Giàu   | 7/1/1983              | X        | Kế toán          | Trung tâm Thể dục thể thao                               | UBND Quận 2 |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 13  | Trần Thanh Tâm       | 26/7/1964             |          | Kế toán trưởng   | Trung tâm Văn hóa                                        | UBND Quận 3 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 14  | Nguyễn Thị Hoàng Chi | 22/5/1966             | X        | Kế toán viên     | Ban QLĐT XDCT                                            | UBND Quận 4 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 15  | Huỳnh Thảo Vy        | 25/6/1994             | X        | Kế toán viên     | Ban QLĐT XDCT                                            | UBND Quận 4 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 16  | Lê Thị Lan Hương     | 28/9/1976             | X        | Trưởng phòng     | Trung tâm Y tế Quận 4                                    | UBND Quận 4 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 17  | Nguyễn Thị Hồng Xuân | 28/4/1979             | X        | Phó Trưởng phòng | Trung tâm Y tế Quận 4                                    | UBND Quận 4 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 18  | Trần Thị Tuyết Mai   | 14/12/1974            | X        | Trưởng phòng     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Quận 4                | UBND Quận 4 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 19  | Nguyễn Thị Kim Oanh  | 11/4/1970             | X        | Phó Trưởng phòng | Bệnh viện                                                | UBND Quận 4 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 20  | Cao Thị Trang        | 29/5/1980             | X        | Kế toán          | Bệnh viện                                                | UBND Quận 4 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 21  | Nguyễn Thị Mùi       | 10/09/1991            | X        | Kế toán          | Trung tâm TĐTT Quận 4                                    | UBND Quận 4 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 22  | Lê Thị Bích Hạnh     | 5/4/1975              | X        | Kế toán          | Ban BTGPMB Quận 4                                        | UBND Quận 4 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 23  | Trần Lê Phương Mai   | 23/12/1991            | X        | Kế toán          | Trung tâm GDTX                                           | UBND Quận 4 |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 24  | Nguyễn Quỳnh Như     | 7/10/1971             | X        | Kế toán          | Trung tâm GDTX                                           | UBND Quận 4 |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 25  | Trần Thụy Thùy Tiên  | 17/3/1985             | X        | Kế toán trưởng   | Trung tâm Hỗ trợ phát triển kinh tế và cung ứng lao động | UBND Quận 5 |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                | Đơn vị      | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|------------------|------------------------------------------------|-------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                  |                                                |             | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 26  | Lại Lê Anh Tú          | 11/10/1987            |        | Trưởng phòng     | Bệnh viện                                      | UBND Quận 5 |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 27  | Phạm Thúy Vy           | 1/4/1984              | X      | Kế toán viên     | Bệnh viện                                      | UBND Quận 5 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 28  | Vũ Thị Hương           | 18/10/1980            | X      | Kế toán viên     | Trung tâm Thể dục Thể thao                     | UBND Quận 5 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 29  | Trương Thụy Lan Phương | 24/01/1984            | x      | Kế toán trưởng   | Ban quản lý Công viên                          | UBND Quận 6 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 30  | Nguyễn Thị Hà          | 21/04/1977            | x      | Trưởng phòng     | Phòng Tài chính - Kế toán,<br>Trung tâm Y tế   | UBND Quận 6 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 31  | Trần Thị Kim Oanh      | 15/12/1976            | x      | Phó Trưởng phòng | Phòng Tài chính - Kế toán,<br>Trung tâm Y tế   | UBND Quận 6 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 32  | Nguyễn Thị Hằng        | 23/10/1977            | x      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính - Kế toán,<br>Trung tâm Y tế   | UBND Quận 6 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 33  | Võ Nguyễn Đức          | 30/11/1975            |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính - Kế toán,<br>Trung tâm Y tế   | UBND Quận 6 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 34  | Đặng Duy Linh          | 17/04/1982            | x      | Kế toán          | Trung tâm Thể dục thể thao                     | UBND Quận 6 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 35  | Nguyễn Thị Hoa Lý      | 20/11/1973            | X      | Kế toán trưởng   | Trung tâm Văn hóa quận                         | UBND Quận 7 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 36  | Vũ Thị Hòa             | 22/03/1991            | X      | Kế toán          | Trường Mầm non Phú Mỹ                          | UBND Quận 7 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 37  | Thạch Thị Lệ Hằng      | 27/03/1973            | X      | Kế toán trưởng   | Trường mầm non Tân Quy                         | UBND Quận 7 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 38  | Phạm Thị Lệ Thương     | 02/04/1976            | X      | Kế toán trưởng   | Trường tiểu học Lê Anh Xuân                    | UBND Quận 7 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 39  | Lê Thị Kiều Nga        | 02/01/1977            | X      | Kế toán trưởng   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận | UBND Quận 7 |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 40  | Võ Hà Thanh Thảo       | 28/10/1983            | X      | Kế toán          | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực      | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                         | Đơn vị      | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|------------------|-----------------------------------------|-------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                      |                       |        |                  |                                         |             | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 41  | Cao Thanh Tâm        | 10/07/1968            |        | Kế toán trưởng   | Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng      | UBND Quận 8 |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 42  | Nguyễn Thị Dung      | 21/06/1986            | X      | Kế toán          | Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng      | UBND Quận 8 |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 43  | Dương Thị Hồng Vân   | 02/05/1980            | X      | Tướng Phòng      | Phòng Tài chính Kế toán, Trung tâm y tế | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 44  | Hà Liên Đề           | 28/04/1973            | X      | Phó Trưởng Phòng | Phòng Tài chính Kế toán, Trung tâm y tế | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 45  | Trương Anh Dũng      | 12/08/1971            |        | Thủ quỹ          | Trung tâm y tế                          | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 46  | Vương Thị Hồng Ân    | 30/05/1992            | X      | Nhân viên        | Trung tâm y tế                          | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 47  | Châu Mỹ Phương       | 18/04/1984            | X      | Nhân viên        | Trung tâm y tế                          | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 48  | Ngô Ngọc Thanh Mai   | 02/06/1991            | X      | Nhân viên        | Trung tâm y tế                          | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 49  | Lê Thị Kim Hiền      | 13/03/1988            | X      | Nhân viên        | Trung tâm y tế                          | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 50  | Trần Thị Thanh Thảo  | 08/10/1989            | X      | Nhân viên        | Trung tâm y tế                          | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 51  | Nguyễn Thị Kim Hoa   | 08/06/1969            | X      | Kế toán          | Trường Mầm non Tuổi Thơ                 | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 52  | Nguyễn Thị Anh Đào   | 18/02/1982            | X      | Kế toán          | Trường Mầm non 19/5                     | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 53  | Nguyễn Thị Tuyết Mai | 25/12/1969            | X      | Kế toán          | Trường Mầm non Tuổi Ngọc                | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 54  | Lê Phụng Linh        | 03/01/1974            | X      | Kế toán          | Trường Mầm non Bông Sen                 | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 55  | Đỗ Hữu Trí           | 12/12/1972            |        | Kế toán          | Trường Tiểu học Nguyễn Trục             | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 56  | Trần Hồng Ân         | 12/07/1982            | X      | Kế toán          | Trường Tiểu học Rạch Ông                | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                   | Đơn vị      | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|-------------------|-----------------------------------|-------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                   |                                   |             | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 57  | Nhữ Thị Kim Vân       | 16/12/1970            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Âu Dương Lân      | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 58  | Nguyễn Thị Hồng Tú    | 21/07/1985            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Trần Nguyễn Hân   | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 59  | Hứa Lâm Bảo Yến       | 23/04/1986            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học An Phong          | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 60  | Nguyễn Ngọc Danh      | 06/02/1982            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Hưng Phú          | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 61  | Trần Thị Tuyền        | 20/02/1985            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo    | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 62  | Diệp Tiên             | 07/07/1991            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Tuy Lý Vương      | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 63  | Trần Mỹ Hương         | 08/08/1986            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Nguyễn Nhược Thị  | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 64  | Trần Thanh Kiều       | 01/06/1977            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 65  | Trịnh Thị Thủy Hồng   | 14/12/1993            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ   | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 66  | Nguyễn Thị Phương Hà  | 21/02/1986            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Lý Nhân Tông      | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 67  | Phan Thị Ngọc Duyên   | 17/08/1987            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Bông Sao          | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 68  | Nguyễn Thị Phương Hà  | 21/02/1986            | X      | Kế toán           | Trường Tiểu học Lý Nhân Tông      | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 69  | Nguyễn Thị Diễm Trang | 24/09/1972            | X      | Phụ trách kế toán | Trường Tiểu học Lý Thái Tổ        | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 70  | Mai Thị Ngọc Hạnh     | 20/04/1978            | X      | Kế toán           | Trường THCS Dương Bá Trạc         | UBND Quận 8 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 71  | Võ Thị Huệ            | 01/02/1987            | X      | Kế toán           | Trường THCS Khánh Bình            | UBND Quận 8 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 72  | Hoàng Thị Hồng Thu    | 23/06/1987            | X      | Kế toán           | Trường THCS Sương Nguyệt Ánh      | UBND Quận 8 |                 |       |       |       | X     |       |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ               | Đơn vị công tác                                        | Đơn vị       | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|-----------------------|--------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                       |                                                        |              | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 73  | Trần Thị Kim Thêm     | 04/09/1970            | X      | Kế toán viên          | Trường THCS Phan Đăng Lưu                              | UBND Quận 8  |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 74  | Trần Thị Ngọc Linh    | 28/09/1992            | X      | Kế toán               | Trường THCS Lý Thánh Tông                              | UBND Quận 8  |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 75  | Sophiah               | 11/08/1982            | X      | Kế toán               | Trường THCS Bình Đông                                  | UBND Quận 8  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 76  | Đỗ Thị Trang          | 10/12/1986            | X      | Kế toán               | Trường THCS Chánh Hưng                                 | UBND Quận 8  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 77  | Bùi Thị Liên          | 21/08/1972            | X      | Kế toán               | Trường Hy Vọng                                         | UBND Quận 8  |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 78  | Phan Thị Thanh Trúc   | 12/03/1991            | X      | Kế toán               | Trường Bồi dưỡng Nghiệp vụ Giáo dục                    | UBND Quận 8  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 79  | Lưu Thị Thu Dung      | 22/09/1975            | X      | Kế toán               | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | UBND Quận 8  |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 80  | Nguyễn Thị Minh Bằng  | 10/8/1983             | X      | Kế toán viên cao đẳng | Phòng kế toán - Trung tâm Y tế                         | UBND Quận 9  |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 81  | Nguyễn Thị Ngọc Duyên | 11/1/1985             | X      | Kế toán viên cao đẳng | Phòng kế toán - Trung tâm Y tế                         | UBND Quận 9  |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 82  | Trần Thị Khoa         | 9/8/1985              | X      | Kế toán viên          | Bệnh viện Quận 9                                       | UBND Quận 9  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 83  | Nguyễn Thị Kim Ngân   | 15/7/1989             | X      | Kế toán viên          | Bệnh viện Quận 9                                       | UBND Quận 9  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 84  | Phạm Thị Quỳnh Tú     | 13/6/1991             | X      | Kế toán viên          | Bệnh viện Quận 9                                       | UBND Quận 9  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 85  | Lê Thị Thum           | 1/9/1985              | X      | Kế toán viên          | Trung tâm Thể dục Thể thao                             | UBND Quận 9  |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 86  | Bùi Thị Mỹ Hạnh       | 9/10/1979             | X      | Kế toán viên          | Phòng Kế toán TTVH Hòa Bình                            | UBND Quận 10 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 87  | Nguyễn Hồng Vân       | 2/6/1980              | X      | Kế toán viên          | Phòng Kế toán TTVH Hòa Bình                            | UBND Quận 10 |                 | X     |       |       |       |       |       |



| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác                         | Đơn vị       | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|----------------|-----------------------------------------|--------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                |                                         |              | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 88  | Nguyễn Thị Mỹ          | 2/1/1973              | X      | Kế toán trưởng | Phòng Kế toán TTVH Hòa Bình             | UBND Quận 10 |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 89  | Trần Bá Quốc           | 23/12/1973            |        | Kế toán viên   | Phòng Kế toán TTVH Hòa Bình             | UBND Quận 10 |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 90  | Trần Thị Dạ Chi        | 27/5/1974             | X      | Kế toán trưởng | Ban Quản lý Chợ Hòa Hưng                | UBND Quận 10 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 91  | Nguyễn Thị Kim Hiếu    | 13/8/1978             | X      | Kế toán trưởng | Trường Mầm Non Phường 2                 | UBND Quận 10 |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 92  | Phạm Thị Minh Nguyệt   | 4/12/1972             | X      | Kế toán        | Trường Mầm Non Phường 5                 | UBND Quận 10 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 93  | Nguyễn Thị Lê Trinh    | 17/12/1991            | X      | Kế toán trưởng | Trường Mầm Non Phường 9                 | UBND Quận 10 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 94  | Phạm Thị Tuyết Hồng    | 22/10/1985            | X      | Kế toán        | Trường Mầm Non Phường 10                | UBND Quận 10 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 95  | Nguyễn Thị Phương Thảo | 26/5/1980             | X      | Kế toán        | Trường Mầm non Phường 13                | UBND Quận 10 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 96  | Phạm Thị Minh Thảo     | 22/08/1971            | X      | Kế toán        | Trường Mầm Non Phường 14                | UBND Quận 10 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 97  | Nguyễn Anh Huy         | 27/12/1986            |        | Kế toán        | Trường Tiểu học Thiên Hộ Dương          | UBND Quận 10 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 98  | Lê Tuyết Nhung         | 20/5/1968             | X      | Kế toán trưởng | Trường Bồi dưỡng Giáo dục               | UBND Quận 10 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 99  | Lê Thị Phương Thảo     | 25/02/1986            | X      | Trưởng phòng   | Phòng Kế toán-Tài chính, Trung tâm Y tế | UBND Quận 10 |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 100 | Trần Thị Cúc Hoa       | 22/11/1967            | X      | Kế toán viên   | Trung tâm Thể dục thể thao              | UBND Quận 11 |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 101 | Phạm Thị Bạch Lê       | 27/1/1974             | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện                               | UBND Quận 11 |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 102 | Nguyễn Thị Ngân Hà     | 2/2/1990              | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện                               | UBND Quận 11 |                 |       | X     |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác                           | Đơn vị             | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|----------------|-------------------------------------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                |                                           |                    | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 103 | Lê Thị Duyên           | 6/5/1989              | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện                                 | UBND Quận 11       |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 104 | Bùi Thị Kim Thoa       | 2/5/1986              | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện                                 | UBND Quận 11       |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 105 | Phạm Thị Phương Thảo   | 11/8/1993             | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện                                 | UBND Quận 11       |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 106 | Nguyễn Thị Huyền Ngọc  | 19/6/1991             | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện                                 | UBND Quận 11       |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 107 | Hồ Kiều Mai Hồng       | 24/4/1981             | X      | Kế toán trưởng | Trung tâm Y tế                            | UBND Quận 11       |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 108 | Bùi Thị Kim Ngân       | 20/9/1975             | X      | Kế toán        | Bệnh viện                                 | UBND Quận 12       |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 109 | Nguyễn Văn Sinh        | 29/10/1981            |        | Kế toán        | Bệnh viện                                 | UBND Quận 12       |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 110 | Võ Ngọc Phương Thanh   | 1/9/1984              | X      | Kế toán        | Bệnh viện                                 | UBND Quận 12       |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 111 | Lê Nguyễn Trung Nguyễn | 3/10/1982             | X      | Kế toán        | Ban QLDA DTXD KV                          | UBND Quận 12       |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 112 | Lê Thị Mỹ Loan         | 14/10/1981            | X      | Kế toán        | Ban QLDA DTXD KV                          | UBND Quận 12       |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 113 | Trương Thị Bích Ngọc   | 19/6/1976             | X      | Kế toán        | Ban QLDA DTXD KV                          | UBND Quận 12       |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 114 | Nguyễn Thị Kim Bằng    | 9/2/1988              | X      | Kế toán        | Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng       | UBND Quận 12       |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 115 | Nguyễn Thị Thu Trang   | 20/05/1982            | X      | Kế toán trưởng | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực | UBND quận Bình Tân |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 116 | Tô Thanh Tuyền         | 16/06/1991            | X      | Kế toán viên   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực | UBND quận Bình Tân |                 | X     |       |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                   | Đơn vị             | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|--------------|---------------------------------------------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                      |                       |        |              |                                                   |                    | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 117 | Nguyễn Thị Hải Yến   | 04/11/1991            | X      | Kế toán viên | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực         | UBND quận Bình Tân |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 118 | Nguyễn Ngọc Tuấn     | 26/11/1980            |        | Kế toán viên | Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Bình Tân | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 119 | Trần Thu Tuyết       | 04/11/1992            | X      | Kế toán viên | Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Bình Tân | UBND quận Bình Tân |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 120 | Nguyễn Ngọc Phi Được | 13/12/1974            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính - Kế toán - Trung tâm Y tế        | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 121 | Lâm Thị Thắm         | 12/4/1976             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính - Kế toán - Trung tâm Y tế        | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 122 | Cao Như Thanh Thùy   | 10/3/1980             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính - Kế toán - Trung tâm Y tế        | UBND quận Bình Tân |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 123 | Võ Phạm Ngọc Quỳnh   | 21/10/1987            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính - Kế toán - Trung tâm Y tế        | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 124 | Nguyễn Thị Khá       | 12/7/1991             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính - Kế toán - Trung tâm Y tế        | UBND quận Bình Tân |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 125 | Nguyễn Thị Thu Ngọc  | 13/10/1981            | X      | Kế toán viên | Bệnh viện                                         | UBND quận Bình Tân |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 126 | Trần Thị Huyền Trân  | 20/11/1981            | X      | Kế toán viên | Bệnh viện                                         | UBND quận Bình Tân |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 127 | Trần Thị Thu Hương   | 4/7/1983              | X      | Kế toán viên | Bệnh viện                                         | UBND quận Bình Tân |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 128 | Đặng Kim Vy          | 9/5/1980              | X      | Kế toán viên | Bệnh viện                                         | UBND quận Bình Tân |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 129 | Lê Thị Kim Nga       | 31/01/1988            | X      | Kế toán viên | Bệnh viện                                         | UBND quận Bình Tân |                 |       |       | X     |       |       |       |

| STT | Họ và tên                | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác               | Đơn vị             | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|--------------------------|-----------------------|--------|--------------|-------------------------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                          |                       |        |              |                               |                    | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 130 | Nguyễn Thị Hằng          | 30/10/1984            | X      | Kế toán viên | Bệnh viện                     | UBND quận Bình Tân |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 131 | Trần Ngũ Chánh           | 3/6/1992              |        | Kế toán viên | Bệnh viện                     | UBND quận Bình Tân |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 132 | Nguyễn Kim Loan          | 6/5/1972              | X      | Kế toán viên | Bệnh viện                     | UBND quận Bình Tân |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 133 | Nguy Diên Dạ Thảo        | 21/04/1984            | X      | Kế toán      | Trường Mầm non Hương Sen      | UBND quận Bình Tân |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 134 | Nguyễn Thị Thu Hân       | 25/9/1989             | X      | Kế toán      | Trường Mầm non Hòa Đào        | UBND quận Bình Tân |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 135 | Lê Bảo Thúy              | 18/05/1989            | X      | Kế toán      | Trường Mầm non Trúc Đào       | UBND quận Bình Tân |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 136 | Trần Quốc Đạt            | 25/01/1986            |        | Kế toán      | Trường Tiểu học Bình Tân      | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 137 | Nguyễn Ngọc Sơn          | 12/01/1986            | X      | Kế toán      | Trường Tiểu học Bình Thuận    | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 138 | Trần Lê Quê Trần         | 27/12/1991            | X      | Kế toán viên | Trường Tiểu học Tân Tạo A     | UBND quận Bình Tân |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 139 | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 10/01/1978            | X      | Kế toán      | Trường Tiểu học Trần Văn Ôn   | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 140 | Nguyễn Hồng Tuyết Phương | 24/10/1982            | X      | Kế toán      | Trường Tiểu học An Lạc 2      | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 141 | Hà Thị Diễm Mỹ           | 10/07/1992            | X      | Kế toán      | Trường Tiểu học Phú Đồng      | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 142 | Nguyễn Thị Cẩm Ly        | 2/1/1987              | X      | Kế toán      | Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa | UBND quận Bình Tân |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 143 | Nguyễn Tấn Trí           | 3/12/1974             |        | Kế toán      | Trường Tiểu học An Lạc 3      | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 144 | Võ Thị Thùy Dương        | 7/12/1982             |        | Kế toán      | Trường Tiểu học Bình Trị 1    | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 145 | Phạm Trần Diễm Phúc      | 13/11/1987            | X      | Kế toán      | Trường THCS Bình Hưng Hòa     | UBND quận Bình Tân |                 |       | X     |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                                         | Đơn vị             | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|-------------------|---------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                   |                                                         |                    | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 146 | Ngô Phan Đức Minh      | 11/5/1989             |        | Nhân viên kế toán | Trường THCS Bình Tân                                    | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 147 | Trần Thị Lan Chi       | 1/1/1974              | X      | Nhân viên kế toán | Trường THCS Hồ Văn Long                                 | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 148 | Phạm Trần Diễm Phúc    | 13/11/1987            | X      | Kế toán           | Trường THCS Bình Hưng Hòa                               | UBND quận Bình Tân |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 149 | Tô Thị Hoàng Anh       | 1/10/1987             | X      | Kế toán           | Trung tâm văn hóa                                       | UBND quận Gò Vấp   |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 150 | Trần Thị Thanh Tâm     | 1/9/1984              | X      | Viên chức TC-KT   | Ban Bồi thường GPMB                                     | UBND quận Gò Vấp   |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 151 | Trần Thị Thu Oanh      | 22/3/1972             | X      | Kế toán           | TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên         | UBND quận Tân Bình |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 152 | Huỳnh Thị Kim Nữ       | 2/2/1984              | X      | Kế toán           | Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao quận Tân Phú       | UBND quận Tân Phú  |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 153 | Đặng Thị Kim Chi       | 1/1/1988              | X      | Kế toán viên      | Phòng Tài chính - Kế toán, Bệnh viện quận Tân Phú       | UBND quận Tân Phú  |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 154 | Nguyễn Thị Thanh       | 15/2/1988             | X      | Kế toán viên      | Phòng Tài chính - Kế toán, Bệnh viện quận Tân Phú       | UBND quận Tân Phú  |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 155 | Dương Thị Ngọc Trinh   | 7/12/1983             | X      | Kế toán           | Trường TH Đoàn Thị Điểm, quận Tân Phú                   | UBND quận Tân Phú  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 156 | Nguyễn Thị Hoàng Sương | 27/07/1980            | X      | Kế toán           | Trường TH Hồ Văn Cường, quận Tân Phú                    | UBND quận Tân Phú  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 157 | Phạm Thị Hậu           | 26/10/1980            | X      | Kế toán           | Trường TH Lê Văn Tám, quận Tân Phú                      | UBND quận Tân Phú  |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 158 | Lâm Thị Mỹ Liên        | 28/12/1985            | X      | Kế toán           | Trường THCS Phan Bội Châu, quận Tân Phú                 | UBND quận Tân Phú  |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 159 | Phạm Thị Kim Liên      | 14/10/1977            | X      | Kế toán           | Trường THCS Võ Thành Trang, quận Tân Phú                | UBND quận Tân Phú  |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 160 | Bành Minh Châu         | 7/10/1974             | X      | Kế toán trưởng    | Ban quản lý Dự án đầu tư Xây dựng khu vực, quận Thủ Đức | UBND quận Thủ Đức  |                 |       |       |       |       |       | X     |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ | Đơn vị công tác                             | Đơn vị            | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|---------|---------------------------------------------|-------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |         |                                             |                   | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 161 | Huỳnh Thanh Bảo Khuyên | 26/10/1982            | X      | Kế toán | Trường MN Hiệp Bình Chánh III, quận Thủ Đức | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 162 | Nguyễn Thị Mỹ Hòa      | 20/06/1981            | X      | Kế toán | Trường THCS Thái Văn Lung, quận Thủ Đức     | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 163 | Trần Thị Trinh Tuyết   | 15/06/1981            | X      | Kế toán | Trường MN Tam Phú, quận Thủ Đức             | UBND quận Thủ Đức |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 164 | Trần Thị Phương Truyền | 22/04/1979            | X      | Kế toán | Trường MN Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức     | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 165 | Nguyễn Thị Thanh Chung | 11/5/1984             | X      | Kế toán | Trường TH Bình Quới, quận Thủ Đức           | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 166 | Huỳnh Phương Thảo      | 22/01/1983            | X      | Kế toán | Trường MN Bình Thọ, quận Thủ Đức            | UBND quận Thủ Đức |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 167 | Trần Thị Diệu Hòa      | 20/11/1986            | X      | Kế toán | TH Đặng Thị Rành, quận Thủ Đức              | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 168 | Lê Thị Bích Trâm       | 2/4/1990              | X      | Kế toán | Trường THCS Xuân Trường, quận Thủ Đức       | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 169 | Cao Thị Hồng Phúc      | 18/03/1986            | X      | Kế toán | Trường Tiểu học Hoàng Diệu, quận Thủ Đức    | UBND quận Thủ Đức |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 170 | Hồ Trương Thanh Thảo   | 30/10/1972            | X      | Kế toán | Trường MN Hoa Đào, quận Thủ Đức             | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 171 | Mai Đào Huyền Trân     | 20/11/1974            | X      | Kế toán | THCS Trương Văn Ngu, quận Thủ Đức           | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 172 | Lê Thanh Trúc          | 17/08/1983            | X      | Kế toán | Trường TH Nguyễn Văn Trết, quận Thủ Đức     | UBND quận Thủ Đức |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 173 | Lê Thị Kim Hiếu        | 16/07/1976            | X      | Kế toán | Trường MN Vành Khuyên, quận Thủ Đức         | UBND quận Thủ Đức |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 174 | Trần Thị Mỹ Duyên      | 5/6/1988              | X      | Kế toán | Trường TH Nguyễn Văn Tây, quận Thủ Đức      | UBND quận Thủ Đức |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác                         | Đơn vị                | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-------------------------|-----------------------|--------|----------------|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                         |                       |        |                |                                         |                       | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 175 | Nguyễn Thị Kim Dung     | 12/5/1984             | X      | Kế toán        | Trường MN Tam Bình, quận Thủ Đức        | UBND quận Thủ Đức     |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 176 | Võ Yến Nhi              | 21/06/1984            | X      | Kế toán        | Trung tâm Văn hóa, quận Thủ Đức         | UBND quận Thủ Đức     |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 177 | Trần Thị Tuyết          | 25/2/1969             | X      | Kế toán        | Trường TH Nguyễn Văn Bành, quận Thủ Đức | UBND quận Thủ Đức     |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 178 | Lê Thị Diễm Chi         | 15/6/1974             | X      | Kế toán        | Trường TH Nguyễn Văn Nở, quận Thủ Đức   | UBND quận Thủ Đức     |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 179 | Bùi Thị Phúc            | 1/9/1977              | X      | Kế toán        | Trường TH Bình Chiểu, quận Thủ Đức      | UBND quận Thủ Đức     |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 180 | Vũ Thị Thu Hương        | 4/11/1988             | X      | Kế toán        | Trường THCS Trường Thọ, quận Thủ Đức    | UBND quận Thủ Đức     |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 181 | Trương Thị Phương Trang | 10/6/1975             | X      | Kế toán        | Trường THCS Lê Quý Đôn, quận Thủ Đức    | UBND quận Thủ Đức     |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 182 | Đỗ Thị Hồng Phương      | 23/05/1979            | X      | Kế toán        | Trường Bồi dưỡng Giáo dục, quận Thủ Đức | UBND quận Thủ Đức     |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 183 | Phan Thị Duyên          | 27777                 | X      | Kế toán        | Trường MN Linh Chiểu, quận Thủ Đức      | UBND quận Thủ Đức     |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 184 | Trương Thị Thanh Thúy   | 29/12/1981            | X      | Kế toán trưởng | Bệnh viện Huyện Bình Chánh              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 185 | Nguyễn Huy Hoàng        | 16/4/1973             |        | Kế toán viên   | Bệnh viện Huyện Bình Chánh              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 186 | Lê Thị Kim Ngân         | 7/8/1980              | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện Huyện Bình Chánh              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 187 | Lê Thị Thu Thúy         | 22/11/1975            | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện Huyện Bình Chánh              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 188 | Ngô Thị Phương Quyên    | 29/8/1988             | X      | Kế toán viên   | Bệnh viện Huyện Bình Chánh              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                                                         | Đơn vị                | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                   |                                                                         |                       | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 189 | Trần Thị Cẩm Nhung    | 6/7/1988              | X      | Kế toán viên      | Bệnh viện Huyện Bình Chánh                                              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 190 | Nguyễn Thị Hồng Diễm  | 22/8/1987             | X      | Kế toán viên      | Bệnh viện Huyện Bình Chánh                                              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 191 | Nguyễn Ngọc Phương    | 27/4/1964             |        | Kế toán viên      | Bệnh viện Huyện Bình Chánh                                              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 192 | Vân Ngọc Uyên         | 2/9/1985              | X      | Kế toán viên      | Bệnh viện Huyện Bình Chánh                                              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 193 | Lê Thị Kim Ngọc       | 20/9/1985             | X      | Kế toán viên      | Bệnh viện Huyện Bình Chánh                                              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 194 | Nguyễn Thị Tâm Giao   | 30/8/1983             | X      | Kế toán viên      | Bệnh viện Huyện Bình Chánh                                              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 195 | Phạm Thị Thu Lang     | 10/11/1985            | X      | Nhân viên         | Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh                                         | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 196 | Nguyễn Thị Phúc       | 12/7/1981             | X      | Nhân viên         | Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh                                         | UBND huyện Bình Chánh |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 197 | Thái Thị Hồng Yến     | 13/05/1982            | X      | Nhân viên         | Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh                                         | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 198 | Nguyễn Thị Kim Hồng   | 24/9/1988             | X      | Kế toán viên      | Đài Truyền thanh                                                        | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 199 | Nguyễn Thị Lộc        | 10/04/1968            | X      | Nhân viên Kế toán | Trường Mầm non Phong Lan                                                | UBND huyện Bình Chánh |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 200 | Nguyễn Ngọc Kim Thanh | 15/07/1984            | X      | Nhân viên Kế toán | Trường Tiểu học An Phú Tây                                              | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 201 | Phan Thị Kiều Diễm    | 04/10/1983            | X      | Kế toán viên      | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Bình Chánh | UBND huyện Bình Chánh |                 |       |       |       | X     |       |       |



| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác                                            | Đơn vị                | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|----------------|------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                |                                                            |                       | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 202 | Lê Hoàng Thảo Nguyễn   | 15/11/1983            | X      | Kế toán viên   | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Bình Chánh | UBND huyện Bình Chánh |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 203 | Trần Thị Lệ Hoa        | 15/5/1970             | X      | Kế toán        | Ban Quản lý Chợ Củ Chi                                     | UBND huyện Củ Chi     |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 204 | Trương Mạnh Tuấn       | 12/7/1988             |        | Kế toán        | Trung tâm Thể dục thể thao huyện                           | UBND huyện Củ Chi     |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 205 | Nguyễn Hồng Cẩm        | 30/6/1979             | X      | Kế toán trưởng | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Củ Chi     | UBND huyện Củ Chi     |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 206 | Lương Thị Thùy Dương   | 28/11/1982            | X      | Kế toán        | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Củ Chi     | UBND huyện Củ Chi     |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 207 | Lê Thị Diễm Kiều       | 19/03/1983            | X      | Kế Toán viên   | Ban Bồi thường GPMB                                        | UBND huyện Hóc Môn    |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 208 | Nguyễn Thị Quỳnh Nga   | 20/12/1993            | X      | Kế Toán viên   | Ban Bồi thường GPMB                                        | UBND huyện Hóc Môn    |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 209 | Trần Thị Thủy An       | 28/12/1988            | X      | Kế Toán viên   | Trung tâm Văn hóa                                          | UBND huyện Hóc Môn    |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 210 | Nguyễn Hồng Ngọc       | 22/10/1994            | X      | Kế Toán viên   | Trung tâm Văn hóa                                          | UBND huyện Hóc Môn    |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 211 | Diệp Nguyễn Thanh Thúy | 26/01/1982            | X      | Kế toán        | Bệnh viện huyện Nhà Bè                                     | UBND huyện Nhà Bè     |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 212 | Nguyễn Thanh Nghiệp    | 28/12/1985            |        | Kế toán        | Bệnh viện huyện Nhà Bè                                     | UBND huyện Nhà Bè     |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 213 | Lê Thị Phương Loan     | 09/10/1988            | X      | Kế toán        | Bệnh viện huyện Nhà Bè                                     | UBND huyện Nhà Bè     |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 214 | Nguyễn Tấn Đạt         | 08/05/1969            |        | Kế toán        | Bệnh viện huyện Nhà Bè                                     | UBND huyện Nhà Bè     |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 215 | Ngô Thị Cẩm Lệ         | 30/10/1983            | X      | Kế toán        | Bệnh viện huyện Nhà Bè                                     | UBND huyện Nhà Bè     |                 |       |       |       |       |       | X     |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                                                      | Đơn vị            | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|-------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                   |                                                                      |                   | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 216 | Nguyễn Thị Thanh Hải   | 20/02/1989            | X      | Kế toán           | Bệnh viện huyện Nhà Bè                                               | UBND huyện Nhà Bè |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 217 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 07/12/1983            | X      | Kế toán           | Bệnh viện huyện Nhà Bè                                               | UBND huyện Nhà Bè |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 218 | Huỳnh Thị Thủy Trang   | 13/02/1990            | X      | Kế toán           | Bệnh viện huyện Nhà Bè                                               | UBND huyện Nhà Bè |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 219 | Trần Thị Thủy Nga      | 22/7/1978             | X      | Kế toán           | Ban QLĐT XDCT                                                        | UBND huyện Nhà Bè |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 220 | Trần Thị Đăng Uyên     | 26/4/1987             | X      | Kế toán           | Ban QLĐT XDCT                                                        | UBND huyện Nhà Bè |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 221 | Nguyễn Thị Mến         | 29/11/1989            | X      | Kế toán           | Ban QLĐT XDCT                                                        | UBND huyện Nhà Bè |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 222 | Chê Thị Lan Nhi        | 18/04/1979            | X      | Kế toán           | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nhà Bè                                     | UBND huyện Nhà Bè |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 223 | Đào Thị Thiệp          | 24/6/1985             | X      | Kế toán           | Đài Truyền thanh                                                     | UBND huyện Nhà Bè |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 224 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 30/05/2019            | X      | Kế toán           | Trường TH Bùi Văn Ba                                                 | UBND huyện Nhà Bè |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 225 | Nguyễn Thị Kiều Nương  | 18/10/1977            | X      | Kế toán           | Trường TH Tạ Uyên                                                    | UBND huyện Nhà Bè |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 226 | Trình Thị Thanh Tuyết  | 08/08/1984            | X      | Chuyên viên       | Văn phòng - Trung tâm Phát triển Công nghiệp hỗ trợ                  | Sở Công Thương    |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 227 | Trần Thị Thủy Dương    | 10/10/1983            | X      | Phụ trách kế toán | Phòng Tài chính- Kế toán, Trường CD Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ        | Sở Công Thương    |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 228 | Vô Thị Mỹ Thúy         | 3/5/1969              | X      | Kế toán viên      | Phòng Tài chính- Kế toán, Trường CD Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ        | Sở Công Thương    |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 229 | Nguyễn Bảo Anh         | 21/9/1991             | X      | Chuyên viên       | Phòng Tài chính Kế toán, Trung tâm Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp | Sở Công Thương    |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác                     | Đơn vị                 | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|----------------|-------------------------------------|------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                |                                     |                        | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 230 | Võ Nguyễn Thanh Nhân   | 22/11/1980            | X      | Kế toán trưởng | THPT Võ Văn Kiệt                    | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 231 | Phạm Ngọc Hạnh         | 23/12/1969            | X      | Kế toán trưởng | THPT Tân Phong                      | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 232 | Điệp Thoại Lam         | 21/09/1982            | X      | Kế toán        | THPT Cù Chi                         | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 233 | Trương Xuân Hưng       | 16/02/1964            |        | Kế toán trưởng | THPT Quang Trung                    | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 234 | Nguyễn Thị Nhã Phương  | 05/06/1983            | X      | Kế toán trưởng | THPT Lương Văn Can                  | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 235 | Nguyễn Thanh Hải       | 02/08/1988            |        | Kế toán        | THPT Trần Hữu Tráng                 | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 236 | Huỳnh Thị Nga          | 30/11/1965            | X      | Kế toán        | THPT Tân Thông Hội                  | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 237 | Nguyễn Thị Thanh Quyên | 04/04/1973            | X      | Kế toán        | THPT Bình Khánh                     | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 238 | Trần Thị Minh Tâm      | 02/09/1984            | X      | Thủ quỹ        | THPT Bình Khánh                     | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 239 | Nguyễn Ngọc Hà         | 25/01/1985            | X      | Kế toán trưởng | THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 240 | Lê Thị Tuyết Trinh     | 26/09/1988            | X      | Kế toán trưởng | THPT Nguyễn Trãi                    | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 241 | Trần Mỹ Phương         | 10/02/1980            | X      | Kế toán trưởng | THPT Gò Vấp                         | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 242 | Nguyễn Thị Hậu         | 17/05/1977            | X      | Kế toán viên   | THPT Trung Lập                      | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 243 | Huỳnh Đăng Diễm Phúc   | 03/04/1985            | X      | Kế toán trưởng | THPT Nguyễn Chí Thanh               | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 244 | Lê Thị Diễm            | 28/12/1982            | X      | Kế toán        | THPT Vĩnh Lộc                       | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 245 | Lê Thị Tầm             | 28/7/1982             | X      | Kế toán viên   | THPT Phú Hoà                        | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác      | Đơn vị                 | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|----------------|----------------------|------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                      |                       |        |                |                      |                        | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 246 | Nguyễn Thị Kiều Liên | 30/08/1983            | X      | Nhân viên      | THPT Trung Vương     | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 247 | Nguyễn Thị Thùy      | 12/04/1976            | X      | Nhân viên      | THPT Trung Vương     | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 248 | Lê Ngọc Giang Thanh  | 10/01/1985            | X      | Kế toán        | THPT Trung Phú       | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 249 | Lê Thị Nga           | 19/06/1967            | X      | Kế toán trưởng | THPT Phan Đăng Lưu   | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 250 | Nguyễn Thị Ngọc Dung | 21/11/1967            | X      | Kế toán trưởng | THPT An Nhơn Tây     | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 251 | Nguyễn Thị Thái Hoà  | 06/08/1976            | X      | Kế toán        | THPT Giồng Ông Tố    | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 252 | Nguyễn Thị Thu Đông  | 30/05/1980            | X      | Thủ quỹ        | THPT Giồng Ông Tố    | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 253 | Trần Thị Thủy Trang  | 07/10/1979            | X      | Kế toán        | THPT Nguyễn Văn Linh | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 254 | Nguyễn Văn Lộc       | 05/07/1965            |        | Kế toán        | THPT Cần Thạnh       | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 255 | Nguyễn Thị Hậu       | 17/05/1977            | X      | Kế toán viên   | THPT Trung Lập       | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 256 | Trần Thị Ngọc Thu    | 25/02/1989            | X      | Kế toán        | THPT Phạm Văn Sáng   | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 257 | Nguyễn Công Đức      | 05/09/1965            |        | Kế toán        | THPT Tân Bình        | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 258 | Phan Từ Quang        | 20/05/1968            |        | Kế toán        | THPT Nguyễn Văn Tăng | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 259 | Lê Thị Ngọc Thu      | 20/02/1975            | X      | Kế toán        | THPT Thanh Lộc       | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 260 | Võ Thị Phương Thảo   | 24/01/1972            | X      | Kế toán        | THPT Lê Thánh Tôn    | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 261 | Nguyễn Thị Chiên     | 17/08/1983            | X      | Kế toán        | THPT Gia Định        | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       | X     |       |       |

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                                                      | Đơn vị                 | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|---------------------|-----------------------|--------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                     |                       |        |              |                                                                                      |                        | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 262 | Lê Nguyễn Trúc Vy   | 23/07/1990            | X      | Kế toán      | THPT Thủ Thiêm                                                                       | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 263 | Nguyễn Thị Thủy Hoa | 09/07/1978            | X      | Nhân viên    | THPT Phước Long                                                                      | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 264 | Lê Xuân Hội         | 03/10/1976            |        | Trưởng phòng | Phòng Kế toán - Tài chính,<br>Trường Trung cấp Bách Nghệ<br>TP.HCM                   | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 265 | Võ Ngọc Minh Thư    | 26/10/1993            | X      | Kế toán viên | Phòng Kế toán - Tài chính,<br>Trường Trung cấp Bách Nghệ<br>TP.HCM                   | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 266 | Phạm Ngọc Anh       | 22/11/1987            | X      | Kế toán viên | Khoa Tài chính - Kế toán -<br>Trường Cao đẳng Công nghệ<br>Thủ Đức                   | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 267 | Lê Thị Hồng Mai     | 07/04/1984            | X      | Kế toán viên | Khoa Điện - Điện tử - Trường<br>Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức                           | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 268 | Phan Thị Kim Thoa   | 20/09/1983            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính - Kế toán -<br>Trường Cao đẳng Công nghệ<br>Thủ Đức                  | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 269 | Trần Quốc Nam       | 20/10/1978            |        | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch vật tư -<br>Trường Cao đẳng Công nghệ<br>Thủ Đức                      | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 270 | Trần Thị Trúc Hương | 08/07/1981            | X      | Kế toán      | THPT Ngô Quyền                                                                       | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 271 | Võ Hoàng Anh        | 15/09/1966            |        | Kế toán viên | THPT Nguyễn Thái Bình                                                                | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 272 | Nguyễn Xuân Dung    | 29/01/1980            |        | Kế toán viên | THPT Lê Trọng Tấn                                                                    | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 273 | Nguyễn Thị Liên     | 10/10/1978            | X      | Nhân viên    | Phòng Kế hoạch - Tài chính<br>Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ<br>thuật Nguyễn Hữu Cánh | Sở Giáo dục và Đào tạo |                 |       |       |       |       |       | X     |

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác                                                                                     | Đơn vị                   | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|---------------------|-----------------------|--------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                     |                       |        |                |                                                                                                     |                          | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 274 | Nguyễn Thị Lê Na    | 19/04/1989            | X      | Kế toán viên   | THPT Nguyễn Hữu Huân                                                                                | Sở Giáo dục và Đào tạo   |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 275 | Trịnh Phạm Thu Thủy | 31/12/1985            | X      | Kế toán viên   | THPT Đào Sơn Tây                                                                                    | Sở Giáo dục và Đào tạo   |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 276 | Dương Thị Thu Dung  | 01/05/1971            | X      | Kế toán trưởng | THPT Ten Lơ Man                                                                                     | Sở Giáo dục và Đào tạo   |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 277 | Lê Xuân Giang       | 28/03/1988            | X      | Trưởng phòng   | Phòng Kế toán tài vụ - Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP. HCM                                   | Sở Giáo dục và Đào tạo   |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 278 | Nguyễn Thị Nhung    | 20/08/1986            | X      | Nhân viên      | Phòng Kế toán tài vụ - Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP. HCM                                   | Sở Giáo dục và Đào tạo   |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 279 | Lê Thị Thủy Vinh    | 11/9/1980             | X      | Kế toán viên   | Phòng Tài chính Kế toán, Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng, Sở Giao thông vận tải              | Sở Giao thông vận tải    |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 280 | Huỳnh Minh Hiền     | 16/10/1973            |        | Kế toán viên   | Phòng Tài chính Kế toán, Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng, Sở Giao thông vận tải              | Sở Giao thông vận tải    |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 281 | Nguyễn Thị Thảo Ly  | 22/10/1987            | X      | Kế toán trưởng | Phòng Kế hoạch Tài chính Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 282 | Hà Thị Thu Huệ      | 27/10/1987            | X      | Trưởng phòng   | Phòng Hành chính Kế toán, Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý, Sở Khoa học và Công nghệ    | Sở Khoa học và Công nghệ |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 283 | Cao Thị Hạnh        | 14/4/1992             | X      | Kế toán viên   | Phòng Hành chính Kế toán, Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý, Sở Khoa học và Công nghệ    | Sở Khoa học và Công nghệ |                 |       |       |       |       |       | X     |

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                | Đơn vị công tác                                                                                       | Đơn vị                              | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|---------------------|-----------------------|--------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                     |                       |        |                        |                                                                                                       |                                     | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 284 | Châu Thị Hoàng Yến  | 29/03/1983            | X      | Kế toán viên           | Phòng Kế hoạch-Tài chính-Trung Tâm Giáo Dục Dự Nghệ Thiếu Niên Thành Phố                              | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       |       | X     |
| 285 | Phạm Thị Trang      | 6/2/1986              | X      | Nhân viên              | Phòng Kế toán, Ban Quản trang thành phố                                                               | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 286 | Trần Quang Sáng     | 16/12/1981            |        | Nhân viên              | Phòng Kế toán, Ban Quản trang thành phố                                                               | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 287 | Vũ Thị Thu Huyền    | 4/11/1982             | X      | Kế toán viên           | Phòng Tài chính -Viện Khoa học An toàn Vệ sinh lao động TPHCM                                         | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 288 | Huỳnh Thanh Liêm    | 29/9/1986             |        | Kế toán viên           | Phòng Tài chính -Viện Khoa học An toàn Vệ sinh lao động TPHCM                                         | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 289 | Trần Thị Thu Lái    | 4/8/1984              | X      | Kế toán trưởng         | Phòng Tổ chức- Hành chính - Kế toán Nhà Tang lễ thành phố                                             | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 290 | Nguyễn Thị Hương    | 10/7/1988             | X      | Kế toán                | Phòng Kế toán - Cơ sở cai nghiện ma túy Bô Lát                                                        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 291 | Nguyễn Đức Chính    | 30/10/1982            |        | Kế toán                | Phòng Kế toán - Cơ sở cai nghiện ma túy Bô Lát                                                        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 292 | Nguyễn Đức Toàn     | 19/09/1991            |        | Nhân viên              | Phòng Kế hoạch tài chính - Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp                                          | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 293 | Nguyễn Ngô Hoàng Vũ | 11/6/1979             |        | Nhân viên              | Phòng Kế hoạch tài chính - Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp                                          | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 294 | Lê Ngọc Thanh Lan   | 01/01/1982            | X      | Kế toán viên Trung cấp | Phòng Kế toán - Tài chính - Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP.HCM | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên               | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                                                                       | Đơn vị                              | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-------------------------|-----------------------|--------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                         |                       |        |                  |                                                                                                       |                                     | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 295 | Huỳnh Anh Duy           | 19/08/1993            |        | Kế toán viên     | Phòng Kế toán - Tài chính - Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP.HCM | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 296 | Nguyễn Thị Kim Dung     | 23/04/1979            | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Kế toán - Cấp dưỡng, Trung tâm Hồ trợ xã hội                                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 297 | Lê Thị Huỳnh            | 20/12/1975            | X      | Chuyên viên      | Phòng Kế toán - Cấp dưỡng, Trung tâm Hồ trợ xã hội                                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 298 | Nguyễn Thị Hồng Diệp    | 12/9/1971             | X      | Nhân viên        | Cơ sở cai nghiện ma túy Thủ Đức                                                                       | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 299 | Vũ Thị Yến Nhi          | 16/8/1993             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tổ chức - Hành chính, Cơ sở cai nghiện ma túy Đức Hạnh                                          | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 300 | Lê Văn Hiền             | 10/9/1991             |        | Trưởng phòng     | Phòng Kế toán - Trung tâm Dịch vụ việc làm TP.HCM                                                     | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 301 | Huỳnh Thị Ngọc Liên     | 8/4/1979              | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Kế toán - Trung tâm Dịch vụ việc làm TP.HCM                                                     | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 302 | Trần Thị Hồng Thuý      | 01/07/0986            | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Kế toán - Trung tâm Dịch vụ việc làm TP.HCM                                                     | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 303 | Trần Thị Kim Lương      | 26/2/1973             | X      | Phó trưởng phòng | Phòng Tổ chức Hành chính - Trung tâm bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh                            | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 304 | Nguyễn Thị Phương Thiều | 10/1/1989             | X      | Phó trưởng phòng | Phòng Kế toán - Trung tâm bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh                                       | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 305 | Lê Thị Cẩm Tú           | 23/1/1988             | X      | Nhân viên        | Phòng Kế toán - Trung tâm bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh                                       | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |



| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                | Đơn vị công tác                                                                                                 | Đơn vị                              | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                        |                                                                                                                 |                                     | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 306 | Văn Thị Hồng Xuyên    | 5/3/1986              | X      | Nhân viên              | Phòng Kế toán - Trung tâm bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh                                                 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 307 | Phạm Thị Phương       | 9/8/1983              | X      | Nhân viên              | Phòng Kế toán - Trung tâm bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh                                                 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 308 | Lê Thị Đoàn Trinh     | 19/12/1980            | X      | Kế toán                | Trung tâm giảm nghèo đa chiều Thành phố                                                                         | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 309 | Nhâm Thị Quỳnh Hà     | 4/11/1989             | X      | Kế toán viên           | Phòng Kế hoạch - Tài chính Trung tâm Bảo trợ - Dạy nghề và Tạo việc làm cho người tàn tật Thành phố Hồ Chí Minh | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 310 | Nguyễn Ngọc Quỳnh     | 15/9/1982             |        | Nhân viên              | Phòng Tài chính Kế toán, Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức                                                      | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 311 | Nguyễn Hải Yến Vi     | 2/2/1984              | X      | Kế toán viên (CĐ)      | Phòng Kế hoạch tài chính - Trung tâm NDBTTE Linh Xuân                                                           | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 312 | Ung Thị Lệ Hằng       | 6/8/1985              | X      | Phó trưởng phòng       | Phòng Kế toán, Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức                                                                  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 313 | Đào Khắc Vũ           | 1/1/1983              |        | Kế toán viên trung cấp | Phòng Kế toán, Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức                                                                  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 314 | Lê Thị Thắm           | 16/2/1990             | X      | Kế toán viên trung cấp | Phòng Kế toán, Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức                                                                  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 315 | Lê Thị Mỹ Hà          | 5/1/1984              | X      | Kế toán viên trung cấp | Phòng Kế toán, Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức                                                                  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 316 | Nguyễn Thị Thu Phương | 18/1/1986             | X      | Kế toán viên trung cấp | Phòng Kế toán, Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức                                                                  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                | Đơn vị công tác                                                                  | Đơn vị                              | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                        |                                                                                  |                                     | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 317 | Lê Văn Trình           | 21/11/1989            |        | Kế toán viên trung cấp | Phòng Kế toán, Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức                                   | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 318 | Cao Thị Kiều           | 2/3/1984              | X      | Kế toán viên cao đẳng  | Phòng Kế toán, Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức                                   | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 319 | Nguyễn Thị Băng Tâm    | 13/10/1979            | X      | Kế toán viên           | Phòng Kế toán tài chính - Trường Nghiệp vụ nhà hàng thành phố                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 320 | Nguyễn Thị Cảnh        | 6/1/1972              | X      | Kế toán trưởng         | Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần                                         | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 321 | Hoàng Thị Thủy         | 10/8/1983             | X      | Nhân viên              | Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần                                         | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 322 | Võ Văn Đạt             | 14/07/1984            |        | Phó trưởng             | Phòng Kế hoạch Tài chính Trung tâm BTXH Chánh Phủ Hòa                            | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 323 | Trần Thị Thu Hà        | 7/10/1983             | X      | Nhân viên              | Phòng Kế hoạch Tài chính, Trung tâm BTXH Chánh Phủ Hòa                           | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 324 | Nguyễn Thế Lợi         | 23/10/1975            |        | Trưởng phòng           | Phòng Kế hoạch Tài chính - Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người bại liệt Thanh Lộc | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 325 | Lại Thị Xuân Thảo      | 10/12/1980            | X      | Phó Trưởng phòng       | Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 326 | Trần Thị Bích Lệ       | 31/7/1975             | X      | Kế toán viên           | Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 327 | Đinh Thị Long          | 21/9/1985             | X      | Kế toán viên trung cấp | Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 328 | Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm | 6/7/1989              | X      | Kế toán viên Cao đẳng  | Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ               | Đơn vị công tác                                                           | Đơn vị                              | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                       |                                                                           |                                     | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 329 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh    | 16/8/1988             | X      | Kế toán viên Cao đẳng | Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghệ | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 330 | Nguyễn Thị Hà Lan      | 10/3/1990             | X      | Kế toán viên          | Cơ sở Bảo Lộc, Trung tâm bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghệ              | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 331 | Hồ Thanh Phương        | 11/10/1988            | X      | Trưởng phòng          | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 332 | Nguyễn Văn Bắc         | 30/10/1981            |        | Phó phòng             | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 333 | Trần Thị Thuý Diễm     | 26/04/1988            | X      | Phó phòng             | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 334 | Bùi Thị Dịu            | 10/08/1988            | X      | Nhân viên             | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 335 | Nguyễn Huỳnh Kim Khanh | 18/04/1988            | X      | Nhân viên             | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 336 | Phạm Thị Như Trang     | 27/07/1990            | X      | Nhân viên             | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 337 | Đàm Thị Ngân           | 03/02/1995            | X      | Nhân viên             | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 338 | Phạm Thị Thủy Trang    | 03/12/1996            | X      | Nhân viên             | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 339 | Vương Quốc Vũ          | 09/09/1985            |        | Nhân viên             | Phòng Kế toán, Cơ sở CNMT-BTXH Phú Văn                                    | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 340 | Nguyễn Thị Hồng Tánh   | 18/05/1983            | X      | Phó trưởng phòng      | Phòng KH - TC, Trung tâm điều dưỡng người bệnh tâm thần Tân Định          | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ        | Đơn vị công tác                                                             | Đơn vị                              | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|---------------------|-----------------------|--------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                     |                       |        |                |                                                                             |                                     | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 341 | Nguyễn Trung Chánh  | 13/08/1965            |        | Kế toán Trưởng | Phòng KH - TC, Trung tâm điều dưỡng người bệnh tâm thần Tân Định            | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 342 | Lê Thị Nguyễn       | 30/12/1990            | X      | Nhân viên      | Phòng KH - TC, Trung tâm điều dưỡng người bệnh tâm thần Tân Định            | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 343 | Nguyễn Văn Bảy      | 24/04/1987            | X      | Nhân viên      | Phòng KH - TC, Trung tâm điều dưỡng người bệnh tâm thần Tân Định            | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 344 | Phạm Thị Ngọc Hoa   | 25/11/1981            | X      | Trưởng phòng   | Phòng Kế toán Tài chính - Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định          | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 345 | Dương Thị Ngọc Dung | 8/6/1981              | X      | Kế toán viên   | Phòng Kế toán Tài chính - Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định          | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 346 | Huỳnh Thị Tường Dy  | 29/11/1993            | X      | Kế toán viên   | Phòng Kế toán Tài chính - Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định          | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 347 | Phan Thị Thủy Trang | 10/10/1994            |        | Kế toán viên   | Cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2                                             | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 348 | Vũ Thị Thêu         | 26/12/1989            | X      | Nhân viên      | Phòng kế toán, CSCNMT Phú Nghĩa                                             | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 349 | Đặng Thị Cẩm Lê     | 1/1/1989              | X      | Phó phòng      | Phòng kế toán, CSCNMT Phú Nghĩa                                             | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 350 | Nguyễn Thành Huy    | 22/10/1993            |        | Kế toán viên   | Phòng kế toán tài chính, TTNDĐTTE Tam Bình                                  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 351 | Hồ Thị Thanh Phương | 9/5/1979              | X      | Kế toán viên   | Phòng kế toán tài chính, TTNDĐTTE Tam Bình                                  | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | X               |       |       |       |       |       |       |
| 352 | Hà Thị Trúc Mai     | 20/08/1987            | X      | Trưởng phòng   | Phòng Tổ chức hành chính - Kế toán Trung tâm Công tác xã hội trẻ em TP. HCM | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |                 |       | X     |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                          | Đơn vị                                 | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                  |                                          |                                        | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 353 | Trần Thị Lê Ngoan     | 17/11/1983            | X      | Kế toán viên     | Ban QL Rừng phòng hộ Bình Chánh - Cù Chi | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 354 | Nguyễn Thị Thùy Dương | 17/01/1986            | X      | Trưởng phòng     | Chi cục Phát triển nông thôn             | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | X               |       |       |       |       |       |       |
| 355 | Phạm Minh Nhật        | 02/08/1992            |        | Chuyên viên      | Chi cục Phát triển nông thôn             | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | X               |       |       |       |       |       |       |
| 356 | Mai Thị Ngọc An       | 08/11/1982            | X      | Kế toán viên     | Trung tâm Giống CTVN và thủy sản         | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | X               |       |       |       |       |       |       |
| 357 | Cao Thị Minh          | 11/04/1985            | X      | Phó Trưởng phòng | Chi cục Chăn nuôi và Thú y               | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | X               |       |       |       |       |       |       |
| 358 | Văn Phước Khánh       | 28/7/1991             |        | Kế toán viên     | Trung tâm Khuyến nông                    | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | X               |       |       |       |       |       |       |
| 359 | Nguyễn Thị Kim Xoảng  | 30/4/1986             | X      | Phó Trưởng phòng | Trung tâm Công nghệ sinh học             | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | X               |       |       |       |       |       |       |
| 360 | Lê Thị Kim Loan       | 20/5/1980             | X      | Nhân viên        | Trung tâm Công nghệ sinh học             | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | X               |       |       |       |       |       |       |
| 361 | Trần Thị Ngọc Hà      | 18/05/1982            | X      | Phó trưởng phòng | Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh          | Sở Văn hóa và Thể thao                 | X               |       |       |       |       |       |       |
| 362 | Đặng Hồng Hạnh        | 03/11/1986            | X      | Kế toán viên     | Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh          | Sở Văn hóa và Thể thao                 |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 363 | Nguyễn Thị Cẩm Tú     | 10/03/1987            | X      | Kế toán viên     | Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh          | Sở Văn hóa và Thể thao                 |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 364 | Nguyễn Thị Loan       | 20/07/1984            | X      | Kế toán viên     | Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh          | Sở Văn hóa và Thể thao                 |                 | X     |       |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                      | Đơn vị                 | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|----------|-------------------|--------------------------------------|------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |          |                   |                                      |                        | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 365 | Trần Thị Ngọc Tài     | 20/04/1976            | X        | Phụ trách kế toán | Trung tâm TĐTT Phan Đình Phụng       | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 366 | Đinh Thị Hồng Lương   | 12/05/1982            | X        | Trưởng phòng      | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TĐTT | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 367 | Vũ Thị Tuyết          | 14/04/1988            | X        | Kế toán trưởng    | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TĐTT | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 368 | Nguyễn Phương Vy      | 11/12/1989            | X        | Kế toán viên      | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TĐTT | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 369 | Lê Thị Mộng Dung      | 1986                  | X        | Kế toán viên      | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TĐTT | Sở Văn hóa và Thể thao |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 370 | Phạm Ngọc Hoàng Quyền | 13/01/1986            | X        | Kế toán viên      | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TĐTT | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 371 | Trịnh Thị Linh Chi    | 17/12/1989            | X        | Kế toán trưởng    | Trung tâm Bảo tồn di tích            | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 372 | Châu Thùy Long Hải    | 06/01/1989            | X        | Kế toán viên      | Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang     | Sở Văn hóa và Thể thao |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 373 | Trần Thụy Minh Châu   | 15/06/1991            | X        | Thủ quỹ           | Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang     | Sở Văn hóa và Thể thao |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 374 | Kiều Lan Phương       | 05/03/1970            | X        | Kế toán trưởng    | Trung tâm TT Duyệt nước Yết Kiêu     | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 375 | Nguyễn Thị Phẩm       | 22/04/1978            | X        | Kế toán viên      | Trung tâm TT Duyệt nước Yết Kiêu     | Sở Văn hóa và Thể thao |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 376 | Ngô Thị Mỹ Trang      | 11/11/1981            | X        | Kế toán viên      | Trung tâm Văn hóa Thành phố          | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                        | Đơn vị công tác                                              | Đơn vị                 | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                                |                                                              |                        | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 377 | Hồ Cẩm Nữ             | 04/02/1978            | X      | Kế toán viên                   | Trung tâm Văn hóa Thành phố                                  | Sở Văn hóa và Thể thao |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 378 | Võ Thị Quyên Duy      | 02/10/1982            | X      | Kế toán Trưởng                 | Nhà hát Ca múa nhạc Dân tộc Bông Sen                         | Sở Văn hóa và Thể thao |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 379 | Nguyễn Bảo Ngân       | 29/08/1983            |        | Kế toán viên                   | Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh Thành phố            | Sở Văn hóa và Thể thao |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 380 | Nguyễn Đắc Vương      | 18/10/1977            |        | Kế toán viên                   | Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh Thành phố            | Sở Văn hóa và Thể thao |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 381 | Nguyễn Thanh Lê       | 16/02/1975            | X      | Kế toán viên                   | Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh Thành phố            | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 382 | Nguyễn Thị Ngọc Thùy  | 27/11/1977            | X      | Kế toán Trưởng                 | Trung tâm TDTT Rạch Chiếc                                    | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 383 | Nguyễn Thị Bích Huyền | 14/10/1973            | X      | Phó Trưởng kiêm Kế toán trưởng | Trung tâm Thông tin Triển lãm                                | Sở Văn hóa và Thể thao | X               |       |       |       |       |       |       |
| 384 | Nguyễn Ngọc Như Anh   | 11/09/1983            | X      | Kế toán Trưởng                 | Cầu lạc bộ TDTT Thanh Đa                                     | Sở Văn hóa và Thể thao |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 385 | Vũ Thanh Tùng         | 30/7/1984             |        | Kế toán trưởng                 | Phòng Kế hoạch tài chính Trung tâm Cấp cứu 115 TPPhong HCM   | Sở Y tế                | X               |       |       |       |       |       |       |
| 386 | Bùi Thùy Ngân         | 22/10/1985            | X      | Kế toán viên - Thủ quỹ         | Phòng Kế hoạch tài chính - Trung tâm Cấp cứu 115 TPPhong HCM | Sở Y tế                | X               |       |       |       |       |       |       |
| 387 | Trần Kim Yến          | 06/12/1979            | X      | Kế toán viên                   | Phòng Tài chính Kế toán Trung tâm Dinh dưỡng                 | Sở Y tế                |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 388 | Nguyễn Minh Quang     | 24/09/1968            |        | Phó Trưởng phòng               | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế                |                 | X     |       |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Giới (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                              | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|----------|--------------|--------------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |          |              |                                                              |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 389 | Hồ Thị Ngọc Hạnh       | 31/05/1987            | X        | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 390 | Nguyễn Thị Thanh Tâm   | 24/06/1984            | X        | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 391 | Nguyễn Lê Phương Uyên  | 18/02/1985            | X        | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 392 | Hồ Việt Sanh           | 23/04/1968            |          | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 393 | Hoàng Thị Lê Thanh     | 01/09/1968            | X        | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 394 | Huỳnh Ngọc Mai Linh    | 30/10/1983            | X        | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 395 | Trần Bích Phương       | 28/07/1992            | X        | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 396 | Nguyễn Thị Ý Như       | 06/01/1983            | X        | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tai Mũi Họng             | Sở Y tế |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 397 | Đỗ Thị Kim Loan        | 14/08/1982            | X        | Kế toán viên | Khoa Dược - Bệnh viện Tai Mũi Họng                           | Sở Y tế |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 398 | Nguyễn Thị Phương Dung | 20/02/1976            | X        | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch Tài chính, Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm TP | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 399 | Nguyễn Thị Thanh An    | 02/05/1986            | X        | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch Tài chính, Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm TP | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 400 | Trịnh Thị Kim Thoa     | 07/06/1905            | X        | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch Tài chính, Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm TP | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |



| STT | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                                    | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|---------------------|-----------------------|--------|--------------|--------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                     |                       |        |              |                                                                    |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 401 | Nguyễn Thị Sang     | 29/07/1987            | X      | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch Tài chính,<br>Trung tâm Kiểm chuẩn Xét<br>nghiệm TP | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 402 | Võ Hoàng Bích Trâm  | 03/09/1989            | X      | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch Tài chính,<br>Trung tâm Kiểm chuẩn Xét<br>nghiệm TP | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 403 | Nguyễn Thị Phú      | 30/09/1988            | X      | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch Tài chính,<br>Trung tâm Kiểm chuẩn Xét<br>nghiệm TP | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 404 | Huỳnh Thị Kiều Diễm | 20/09/1984            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán,<br>Trung tâm Pháp y                       | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 405 | Mai Thị Hiền        | 10/05/1990            | X      | Kế toán viên | Phòng Tổ chức hành chính,<br>Trung tâm Pháp y                      | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 406 | Phan Thị Bích Hạnh  | 19/12/1971            | X      | Trưởng phòng | Phòng Tài chính Kế toán -<br>Bệnh viện Mắt                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 407 | Trần Đức Lai        | 07/04/1974            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán -<br>Bệnh viện Mắt                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 408 | Hồ Huy Hoàng        | 09/01/1979            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán -<br>Bệnh viện Mắt                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 409 | Đỗ Hòa Bình         | 26/10/1979            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán -<br>Bệnh viện Mắt                         | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 410 | Dương Minh Chánh    | 13/10/1972            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán -<br>Bệnh viện Mắt                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 411 | Phạm Văn Trọng      | 08/06/1967            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán -<br>Bệnh viện Mắt                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 412 | Nguyễn Thị Thanh An | 28/04/1975            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán -<br>Bệnh viện Mắt                         | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                         | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|--------------|-----------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |              |                                         |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 413 | Nguyễn Thủy Nam Phương | 05/02/1976            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 414 | Phạm Thị Phương        | 20/05/1988            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 415 | Bùi Thị Hoàng Dung     | 12/09/1974            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 416 | Trần Thị Hào           | 29/01/1970            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 417 | Dương Hải Vân          | 19/12/1977            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 418 | Phạm Thị Loan-1967     | 25/09/1967            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 419 | Cao Văn Châu           | 01/01/1966            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 420 | Nguyễn Quý Liêm        | 19/02/1966            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 421 | Lê Thị Huỳnh Hoa       | 05/07/1968            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 422 | Nguyễn Hoài Đức        | 08/05/1976            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 423 | Tổng Thị Mai Hương     | 02/12/1981            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính Kế toán - Bệnh viện Mắt | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 424 | Lê Trọng Thắng         | 19/02/1988            |        | Kế toán viên | Phòng Tổ chức Cán bộ - Bệnh viện Mắt    | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                                      | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|--------------|----------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |              |                                                                      |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 425 | Võ Thị Kim Thoa        | 30/8/1981             | X      | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Bệnh viện Mắt                              | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 426 | Vũ Thị Thùy Nhung      | 30/05/1990            | X      | Kế toán viên | Phòng Kế hoạch - Tài vụ - Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe | Sở Y tế |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 427 | Mai Đỗ Tường Vi        | 1/6/1993              | X      | Kế toán viên | Phòng Tổ chức cán bộ - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                   | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 428 | Hoàng Thị Thu Hiền     | 16/6/1986             | X      | Kế toán viên | Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Nhân dân Gia Định              | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 429 | Phạm Thị Bảo Nhi       | 21/3/1981             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 430 | Tạ Thị Thanh Thảo      | 13/12/1981            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 431 | Nguyễn Thị Thim        | 25/4/1989             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 432 | Trịnh Thanh Thảo       | 8/7/1991              | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 433 | Lê Thị Ngọc Kiều       | 1/11/1984             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 434 | Nguyễn Như Quỳnh       | 19/10/1987            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 435 | Nguyễn Thanh Hoàng Mai | 4/1/1985              | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 436 | Nguyễn Thị Mận         | 10/5/1987             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định                | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |

| STT | Họ và tên                | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                          | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|--------------------------|-----------------------|--------|--------------|----------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                          |                       |        |              |                                                          |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 437 | Nguyễn Trần Phương Thảo  | 8/2/1988              | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định    | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 438 | Trần Thị Khánh Vy        | 23/6/1985             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định    | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 439 | Trần Thị Phương Hồng     | 24/1/1983             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Nhân dân Gia Định    | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 440 | Bùi Thị Ngọc Sương       | 25/2/1988             | X      | Kế toán viên | Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện Nhân dân Gia Định | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 441 | Nguyễn Hoàng Yến         | 26/09/1989            | X      | Kế toán viên | Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện Nhân dân Gia Định | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 442 | Nguyễn Thùy Thiên Ý      | 13/2/1984             | X      | Kế toán viên | Khoa Dinh dưỡng - Bệnh viện Nhân dân Gia Định            | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 443 | Lê Ngọc Khang            | 03/09/1983            |        | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Trung Vương           | Sở Y tế |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 444 | Ngô Đăng Thị Thiên Hương | 09/09/1983            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Trung Vương           | Sở Y tế |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 445 | Nguyễn Thị Minh Phương   | 23/08/1983            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Trung Vương           | Sở Y tế |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 446 | Bùi Thị Miên             | 20/08/1988            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Trung Vương           | Sở Y tế |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 447 | Nguyễn Thị Trinh         | 10/09/1982            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Trung Vương           | Sở Y tế |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 448 | Tổng Thị Thanh Mai       | 12/5/1975             | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Trung Vương           | Sở Y tế |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                            | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|------------------|------------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                  |                                                            |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 449 | Nguyễn Đỗ Nguyệt Hồng | 9/10/1979             | X      | Trưởng phòng     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 450 | Nguyễn Ngọc Tuyền     | 16/8/1982             | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 451 | Lương Hoàng Giang     | 10/7/1980             |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 452 | Cung Thị Kim Hoa      | 11/7/1980             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 453 | Nguyễn Anh Hơ         | 12/8/1971             |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 454 | Phạm Tri Đại          | 8/8/1967              |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 455 | Nguyễn Thiện Nhơn     | 3/5/1972              |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 456 | Nguyễn Đại Khoa       | 7/10/1984             |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 457 | Lê Châu Xuân Mai      | 30/12/1989            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 458 | Nguyễn Thị Thúy Loan  | 22/4/1971             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 459 | Cao Thị Thoa          | 9/4/1978              | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 460 | Vũ Thành Huân         | 10/11/1985            |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                                       | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                  |                                                                       |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 461 | Phạm Thị Kim Ánh       | 31/3/1990             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình            | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 462 | Phạm Thị Phương Thủy   | 29/12/1991            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Chấn thương Chính hình            | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 463 | Vũ Hồng Hạnh           | 1/1/1980              | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Chấn thương Chính hình          | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 464 | Trần Kim Sang          | 17/12/1973            | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Vật tư - trang thiết bị y tế - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 465 | Hoàng Thị Nhung        | 27/1/1983             | X      | Kế toán viên     | Phòng Vật tư - trang thiết bị y tế - Bệnh viện Chấn thương Chính hình | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 466 | Nguyễn Hải Dương       | 11/1/1981             |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                              | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 467 | Nguyễn Hiền            | 2/4/1983              |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                              | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 468 | Nguyễn Bạch Thu Hà     | 7/10/1975             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                              | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 469 | Nguyễn Thị Thanh Trang | 12/1/1978             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                              | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 470 | Phạm Thị Thanh Thủy    | 29/12/1977            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                              | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 471 | Vô Thành Công          | 22/1/1983             |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                              | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 472 | Nguyễn Thị Hồng Tâm    | 28/10/1984            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                              | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                                                   | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                  |                                                                                   |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 473 | Lê Hoàng Ái           | 10/10/1991            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                                          | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 474 | Hà Nguyễn Thảo Nguyên | 20/11/1980            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                                          | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 475 | Phùng Quốc Tú         | 14/11/1983            |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                                          | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 476 | Đỗ Nguyễn Tuyết Anh   | 10/7/1991             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Từ Dũ                                          | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 477 | Nguyễn Thị Thanh Loan | 8/3/1980              | X      | Kế toán viên     | Khoa Dược, Bệnh viện Từ Dũ                                                        | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 478 | Nguyễn Thị Thu Thủy   | 22/3/1976             | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Da Liễu                                       | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 479 | Đào Thị Thu Hân       | 3/8/1980              | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Da Liễu                                       | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 480 | Trần Phi              | 18/11/1985            |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Da Liễu                                       | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 481 | Nguyễn Ánh Dương      | 19/5/1988             |        | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Da Liễu                                       | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 482 | Trần Tuyết Linh       | 29/12/1979            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 483 | Nguyễn Thị Kiều Mỹ    | 25/03/1980            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                            | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|------------------|------------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                      |                       |        |                  |                                                            |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 484 | Trần Thị Kim Ngân    | 09/09/1989            | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 485 | Huỳnh Thị Sơn Sắt    | 15/4/1984             | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 486 | Nguyễn Thị Thơm      | 8/10/1975             | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 487 | Trương Bích Ngân     | 4/10/1984             | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 488 | Lê Thị Hằng          | 20/12/1984            | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 489 | Nguyễn Hải Đăng      | 15/8/1989             |        | Kế toán CB       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 490 | Trần Thị Duyên       | 10/08/1990            | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 491 | Đào Mạnh Trung       | 05/08/1988            |        | Kế toán CB       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 492 | Trịnh Thị Thanh Xuân | 25/01/1980            | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 493 | Đỗ Thị Ngọc Ánh      | 29/12/1990            | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 494 | Nguyễn Thị Bích Liễu | 3/12/1981             | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 495 | Huỳnh Thị Việt Hương | 12/8/1975             | X      | Kế toán TC       | Bệnh viện Tâm thần                                         | Sở Y tế |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 496 | Tô Kim Long          | 23/9/1976             | X      | Trưởng phòng     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện ĐKKV Học Môn            | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 497 | Trần Thị Hai         | 17/2/1976             | X      | Phó trưởng phòng | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện ĐKKV Học Môn            | Sở Y tế |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 498 | Nguyễn Thị Mai Lan   | 30/12/1984            | X      | Kế toán viên     | Phòng Vật tư - Trang thiết bị y tế, Bệnh viện ĐKKV Học Môn | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |



| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                             | Đơn vị  | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|------------------|-------------------------------------------------------------|---------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |                  |                                                             |         | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 499 | Phạm Ngọc Thu         | 21/11/1984            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn             | Sở Y tế |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 500 | Đặng Thị Thanh Tâm    | 29/10/1983            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 501 | Nghiêm Thị Anh Thư    | 15/3/1988             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 502 | Thân Phương Trâm      | 18/6/1986             | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 503 | Nguyễn Ngọc Hiếu      | 4/3/1984              | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn             | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 504 | Nguyễn Trần Hồng Thủy | 15/9/1982             | X      | Kế toán viên     | Phòng Hành chánh quản trị, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn           | Sở Y tế |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 505 | Đinh Thị Phương Uyên  | 27/5/1982             | X      | Kế toán viên     | Phòng Hành chánh quản trị, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn           | Sở Y tế |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 506 | Võ Thị Việt Thùy      | 21/12/1981            | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện An Bình                 | Sở Y tế | X               |       |       |       |       |       |       |
| 507 | Đinh Thị Mai Hiền     | 2/11/1973             | X      | Kế toán trưởng   | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện An Bình                 | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 508 | Bùi Thị Châm          | 25/12/1980            | X      | Kế toán viên     | Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện An Bình                 | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 509 | Nguyễn Thị Luyến      | 12/1/1979             | X      | Kế toán viên     | Phòng Kế hoạch Tài chính - Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế | Sở Y tế |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 510 | Nguyễn Việt Phương    | 21/10/1982            |        | Chuyên viên      | Phòng Kế hoạch Tài chính - Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế | Sở Y tế |                 |       | X     |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ           | Đơn vị công tác                                             | Đơn vị                        | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|-------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                   |                                                             |                               | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 511 | Lê Thuý Trang          | 14/8/1977             | X      | Trưởng phòng      | Phòng Tổ chức hành chính - Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế | Sở Y tế                       |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 512 | Trần Kim Thu           | 18/12/1972            |        | Kế toán           | Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm             | Ban Quản lý An toàn thực phẩm |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 513 | Đỗ Trung Hoàng         | 1/1/1984              |        | Chuyên viên       | Phòng Tài chính Kế toán                                     | Ban Quản lý Hạ tầng Đô thị    | X               |       |       |       |       |       |       |
| 514 | Nguyễn Đức Sơn         | 2/6/1983              |        | Chuyên viên       | Phòng Tài chính Kế toán                                     | Ban Quản lý Hạ tầng Đô thị    | X               |       |       |       |       |       |       |
| 515 | Trần Thị Thanh Duyên   | 31/3/1985             | X      | Kế toán viên      | BQL Khu Thủ Thiêm                                           | BQL khu đô thị Thủ Thiêm      | X               |       |       |       |       |       |       |
| 516 | Trần Phi Hà            | 13/6/1978             | X      | Phụ Trách Kế toán | Phòng Tài chính - Kế hoạch - Trung tâm Khai thác Hạ tầng    | BQL NNCCNC                    |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 517 | Huỳnh Thị Kim Loan     | 30/8/1989             | X      | Chuyên viên       | Phòng Tài chính - Kế hoạch - Trung tâm Khai thác Hạ tầng    | BQL NNCCNC                    |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 518 | Phạm Thị Hương Trà     | 03/6/1992             | X      | Kế toán viên      | Phòng Tài chính - Kế hoạch - Trung tâm Khai thác Hạ tầng    | BQL NNCCNC                    |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 519 | Nguyễn Thị Minh Tâm    | 20/8/1990             | X      | nhân viên         | Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển NNCCNC                   | BQL NNCCNC                    |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 520 | Nguyễn Thị Hồng Phúc   | 8/7/1969              | X      | Trưởng phòng      | Phòng Tài vụ - Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố             | Đài Tiếng nói                 |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 521 | Lê Thị Hiền Diệu       | 29/9/1989             | X      | Kế toán viên      | Phòng Tài vụ - Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố             | Đài Tiếng nói                 |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 522 | Lê Thị Ngọc Huyền Linh | 23/8/1970             | X      | Kế toán viên      | Phòng Tài vụ - Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố             | Đài Tiếng nói                 |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                                              | Đơn vị          | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|--------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |              |                                                                              |                 | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 523 | Vũ Hoàng Phúc         | 21/12/1985            | X      | Kế toán viên | Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ phát thanh - Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố | Đài Tiếng nói   |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 524 | Nguyễn Thị Phương Nga | 4/8/1989              | X      | Kế toán viên | Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ phát thanh - Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố | Đài Tiếng nói   |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 525 | Nguyễn Thị Thùy Anh   | 28/10/1991            | X      | Kế toán viên | Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ phát thanh - Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố | Đài Tiếng nói   |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 526 | Hồ Phương Dung        | 9/3/1983              | X      | Kế toán viên | Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ phát thanh - Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố | Đài Tiếng nói   |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 527 | Hồ Thục Oanh          | 31/7/1973             | X      | Kế toán viên | Trung tâm Tin tức - Đài Truyền hình TP                                       | Đài Truyền hình |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 528 | Nguyễn Thị Xuân       | 26/11/1975            | X      | Kế toán viên | Tạp chí HTV - Đài Truyền hình TP                                             | Đài Truyền hình |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 529 | Huỳnh Thúy            | 15/9/1975             | X      | Kế toán viên | Hãng phim truyền hình - Đài Truyền hình TP                                   | Đài Truyền hình |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 530 | Hồ Minh Trang         | 5/1/1979              | X      | Kế toán viên | Ban Thiệu nhi - Đài Truyền hình TP                                           | Đài Truyền hình |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 531 | Nguyễn Thị Đắc Thùy   | 17/4/1975             | X      | Kế toán viên | Ban Tài chính - Đài Truyền hình TP                                           | Đài Truyền hình |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 532 | Trương Tú Ngọc        | 25/1/1979             | X      | Kế toán viên | Ban Tài chính - Đài Truyền hình TP                                           | Đài Truyền hình |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 533 | Nguyễn Thị Thu Hà     | 3/9/1974              | X      | Kế toán viên | Ban Tài chính - Đài Truyền hình TP                                           | Đài Truyền hình |                 |       | X     |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ             | Đơn vị công tác                              | Đơn vị          | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-----------------------|--------|---------------------|----------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                        |                       |        |                     |                                              |                 | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 534 | Nguyễn Thị Hồng Lý     | 27/9/1974             | X      | Kế toán viên        | Ban Tài chính - Đài Truyền hình TP           | Đài Truyền hình |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 535 | Nguyễn Thị Minh Châu   | 12/10/1977            | X      | Kế toán viên        | Ban Tài chính - Đài Truyền hình TP           | Đài Truyền hình |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 536 | Nguyễn Thị Hiếu        | 18/11/1980            | X      | Kế toán viên        | Ban Tài chính - Đài Truyền hình TP           | Đài Truyền hình |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 537 | Đinh Thu Giang         | 29/10/1980            | X      | Kế toán viên        | Ban Thể dục - Thể thao - Đài Truyền hình TP  | Đài Truyền hình |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 538 | Trương Thị Phương Thảo | 14/04/1980            | X      | Kế toán viên        | Phòng Kế hoạch Tài chính - Trường ĐH Sài Gòn | Đại học Sài Gòn |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 539 | Lê Thị Vân Thu         | 01/11/1980            | X      | Kế toán viên        | Phòng Kế hoạch Tài chính - Trường ĐH Sài Gòn | Đại học Sài Gòn |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 540 | Hoàng Hà               | 09/01/1981            |        | Chuyên viên Kế toán | Phòng Kế hoạch Tài chính                     | Đại học Sài Gòn |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 541 | Nguyễn Kim Dung        | 28/06/1987            | X      | Chuyên viên Kế toán | Phòng Kế hoạch Tài chính                     | Đại học Sài Gòn |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 542 | Nguyễn Diệu Linh       | 22/11/1996            | X      | Chuyên viên Kế toán | Phòng Kế hoạch Tài chính                     | Đại học Sài Gòn |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 543 | Lâm Bích Trâm          | 09/12/1988            | X      | Chuyên viên Kế toán | Phòng Kế hoạch Tài chính                     | Đại học Sài Gòn |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 544 | Tạ Đức Phước           | 25/04/1986            |        | Chuyên viên Kế toán | Phòng Kế hoạch Tài chính                     | Đại học Sài Gòn |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 545 | Lã Trường Thịnh        | 19/01/1988            |        | Chuyên viên Kế toán | Phòng Kế hoạch Tài chính                     | Đại học Sài Gòn |                 |       |       |       |       | X     |       |

| STT | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ      | Đơn vị công tác                                   | Đơn vị                          | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|-----------------------|-----------------------|--------|--------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                       |                       |        |              |                                                   |                                 | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 546 | Nguyễn Thu Thanh      | 07/02/1979            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính - Kế toán                         | Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch  |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 547 | Trương Thị Thu Trang  | 01/05/1972            | X      | Kế toán viên | Phòng Tài chính - Kế toán                         | Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch  |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 548 | Huỳnh Thị Tuyết Sương | 16/3/1987             | X      | Kế toán viên | Trung tâm Nghiên cứu triển khai Khu Công nghệ cao | Ban Quản lý khu Công nghệ cao   | X               |       |       |       |       |       |       |
| 549 | Đỗ Thị Tươi           | 4/7/1976              | X      | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 550 | Đỗ Thị Len            | 21/12/1988            | X      | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong | X               |       |       |       |       |       |       |
| 551 | Lê Tường Vy           | 3/10/1989             | X      | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 552 | Phí Thị Vân Anh       | 23/9/1990             | X      | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 553 | Nguyễn Văn Trường     | 25/3/1993             |        | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 554 | Nguyễn Thị Thùy Dương | 16/9/1987             | X      | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong | X               |       |       |       |       |       |       |
| 555 | Nguyễn Đoàn Dự        | 26/11/1964            |        | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 556 | Nguyễn Hoài Nam       | 13/9/1985             |        | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong | X               |       |       |       |       |       |       |
| 557 | Trần Thị Vy Đa        | 21/11/1988            | X      | Nhân viên    | Phòng Tài chính Kế toán                           | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       | X     |       |       |       |       |

| STT | Họ và tên            | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ                      | Đơn vị công tác                                        | Đơn vị                          | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----|----------------------|-----------------------|--------|------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     |                      |                       |        |                              |                                                        |                                 | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 558 | Lương Kim Qui        | 25/4/1964             |        | Nhân viên                    | Phòng Tài chính Kế toán                                | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 559 | Nguyễn Thị Mai Khanh | 20/1/1973             | X      | Nhân viên                    | Ban Điều hành Cụm Công nghiệp - Khu dân cư Nhị Xuân    | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 560 | Đỗ Thị Thu Thủy      | 14/7/1976             | X      | Trưởng phòng, Kế toán trưởng | Phòng Tài chính Kế hoạch, Cơ sở xã hội Nhị Xuân        | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 561 | Nguyễn Vũ Thuý Tiên  | 5/11/1981             | X      | Phó Trưởng phòng             | Phòng Tài chính Kế hoạch, Cơ sở xã hội Nhị Xuân        | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 562 | Lê Nhật Uyên         | 8/12/1981             | X      | Nhân viên                    | Phòng Tài chính Kế hoạch, Cơ sở xã hội Nhị Xuân        | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 563 | Nguyễn Thị Huyền     | 23/8/1982             | X      | Nhân viên                    | Phòng Tài chính Kế hoạch, Cơ sở xã hội Nhị Xuân        | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       | X     |       |       |       |
| 564 | Trần Văn Lý          | 16/8/1980             |        | Nhân viên                    | Phòng Tài chính Kế hoạch, Cơ sở xã hội Nhị Xuân        | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 | X     |       |       |       |       |       |
| 565 | Lê Phú Hiếu          | 25/12/1977            |        | Trưởng phòng                 | Phòng Kế hoạch Tài chính, Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 566 | Huỳnh Thị Thoa       | 01/1/1980             | X      | Phó Trưởng phòng             | Phòng Kế hoạch Tài chính, Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 567 | Đặng Thanh Hải       | 05/5/1986             |        | Nhân viên                    | Phòng Kế hoạch Tài chính, Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       |       | X     |       |
| 568 | Nguyễn Văn Mạnh      | 04/4/1992             |        | Nhân viên                    | Phòng Kế hoạch Tài chính, Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       | X     |       |       |
| 569 | Đặng Văn Tuấn        | 22/12/1981            |        | Phó Trưởng phòng             | Phòng Kế hoạch Tài chính, Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       |       |       | X     |       |       |

| STT       | Họ và tên           | Ngày, tháng, năm sinh | Nữ (X) | Chức vụ          | Đơn vị công tác                                                          | Đơn vị                          | Lớp Tham dự (X) |       |       |       |       |       |       |
|-----------|---------------------|-----------------------|--------|------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|           |                     |                       |        |                  |                                                                          |                                 | Lớp 1           | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 |
| 570       | Trần Thị Châu Loan  | 04/11/1981            | X      | Phó Trưởng phòng | Phòng Kế hoạch Tài chính, Cơ sở cai nghiện ma túy số 2                   | Lực lượng Thanh niên xung phong |                 |       | X     |       |       |       |       |
| 571       | Lê Phước Hồng Nhung | 28/11/1989            | X      | Nhân viên        | Phòng Kế hoạch Tài chính, Cơ sở cai nghiện ma túy số 2                   | Lực lượng Thanh niên xung phong | X               |       |       |       |       |       |       |
| 572       | Hồ Thanh Thủy       | 26/2/1974             | X      | Chuyên viên      | Trung tâm dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc | BQL khu đô thị Tây Bắc          | X               |       |       |       |       |       |       |
| 573       | Dương Minh Chí      | 3/7/1972              |        | Chuyên viên      | Trung tâm dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc | BQL khu đô thị Tây Bắc          | X               |       |       |       |       |       |       |
| 574       | Phạm Mỹ Linh        | 01/07/1975            | X      | Kế toán viên     | Văn phòng Viện Nghiên cứu phát triển                                     | Viện Nghiên cứu phát triển      |                 |       | X     |       |       |       |       |
| TỔNG CỘNG |                     |                       |        |                  |                                                                          |                                 | 76              | 78    | 90    | 88    | 95    | 91    | 56    |

SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

